

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN**

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Trình độ đào tạo: **Đại học**
Ngành đào tạo: **Quản lý nhà nước**
Tên tiếng Anh: **State Management**
Tên các chuyên ngành:
Mã ngành: **7310205**
Loại hình đào tạo: **Chính quy**
Hình thức đào tạo: **Tập trung**

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1783/QĐ-ĐHQN ngày 21 tháng 8 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Quy Nhơn)

Trình độ đào tạo: **Đại học**

Ngành đào tạo: **Quản lý nhà nước**

Mã ngành: **7310205**

Tên tiếng Anh: **State Management**

Tên các chuyên ngành:

Loại hình đào tạo: **Chính quy**

Hình thức đào tạo: **Tập trung**

1. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

Ngành Quản lý nhà nước (State Management) là một ngành học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản lý nhà nước trên các lĩnh vực, kiến thức chuyên sâu về quản lý hành chính nhà nước và những kỹ năng cơ bản của một cán bộ, công chức khi thực thi hoạt động công vụ.

1.2. Thông tin chung về chương trình đào tạo

1. Tên chương trình (Tiếng Việt)	Quản lý nhà nước
2. Mã ngành đào tạo	7310205
3. Trường cấp bằng	Trường Đại học Quy Nhơn
4. Tên gọi văn bằng	Cử nhân
5. Trình độ đào tạo	Đại học
6. Số tín chỉ yêu cầu	135
7. Khoa quản lý	Lý luận chính trị - Luật và Quản lý nhà nước
8. Hình thức đào tạo	Chính quy
9. Thời gian đào tạo	04 năm
10. Đối tượng tuyển sinh	Học sinh tốt nghiệp THPT hoặc tương đương theo Quy chế tuyển sinh hiện hành
11. Thang điểm đánh giá	10
12. Điều kiện tốt nghiệp	<ul style="list-style-type: none">- Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo đạt 135 tín chỉ;- Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2.0 trở lên;- Đạt chuẩn đầu ra về trình độ tiếng Anh và Tin học theo quy định chung của Nhà Trường;- Có chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng-An ninh và Giáo dục thể chất.

13. Vị trí việc làm	<ul style="list-style-type: none"> - Làm việc trong hệ thống cơ quan hành chính nhà nước từ trung ương đến địa phương, cơ quan tư pháp (Tòa án nhân dân các cấp), cơ quan kiểm sát (Viện kiểm sát nhân dân các cấp). - Làm việc trong các cơ quan chuyên môn quản lý nhà nước các cấp (các sở, ban, ngành, phòng...). - Công chức, viên chức làm việc trong các cơ quan Đảng, đoàn thể, tổ chức chính trị-xã hội - Nghiên cứu viên ở các cơ sở nghiên cứu, các cơ quan tham mưu hoạch định chiến lược, chính sách của Đảng và Nhà nước. - Làm công tác giảng dạy về khoa học quản lý, khoa học hành chính ở các trường cao đẳng, đại học, các trường chính trị các tỉnh, thành phố, các trung tâm và viện nghiên cứu. - Làm quản lý, chuyên viên hành chính tại các doanh nghiệp, các tổ chức thuộc khu vực tư.
14. Học tập nâng cao trình độ	<p>Sinh viên sau khi tốt nghiệp có khả năng tiếp tục học tập, nghiên cứu ở trình độ thạc sĩ tại trường và các cơ sở đào tạo uy tín trong nước như: quản lý kinh tế, quản lý giáo dục, chính trị học,...</p>
15. Chương trình tham khảo khi xây dựng	<ol style="list-style-type: none"> 1. Chương trình đào tạo ngành Quản lý nhà nước của Học viện Báo chí và Tuyên Truyền. 2. Chương trình đào tạo ngành Quản lý nhà nước của Đại học Vinh. 3. Chương trình đào tạo ngành Quản lý nhà nước của Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng.
16. Thời điểm cập nhật bản mô tả	Tháng 5/2020

1.3. Sứ mệnh - Tầm nhìn - Triết lý giáo dục

Trường Đại học Quy Nhơn đã cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục, theo Quyết định số 120/QĐCEA.UD ngày 12/7/2017 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định CLGD – Đại học Đà Nẵng

1.3.1. Sứ mệnh - Tầm nhìn của Trường Đại học Quy Nhơn

Sứ mệnh:

Trường Đại học Quy Nhơn là cơ sở giáo dục đại học đa ngành, đa lĩnh vực có sứ mệnh đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; bồi dưỡng nhân tài; nghiên cứu khoa học, truyền bá tri thức và chuyển giao công nghệ; phục vụ hiệu quả sự phát triển bền vững của

đất nước, đặc biệt đối với khu vực Nam Trung Bộ – Tây Nguyên; góp phần thúc đẩy tiến bộ xã hội.

Tầm nhìn:

Đến năm 2030, Trường Đại học Quy Nhơn sẽ là Trường Đại học đa ngành, đa lĩnh vực định hướng ứng dụng có uy tín cao, đạt tiêu chuẩn chất lượng của khu vực Đông Nam Á; có vị thế quan trọng về hợp tác đào tạo, nghiên cứu, trao đổi học thuật, giao lưu văn hóa trong nước và quốc tế.

Giá trị cốt lõi:

Trách nhiệm – Chuyên nghiệp – Chất lượng – Sáng tạo – Nhân văn

1.3.2. Triết lý giáo dục của Trường Đại học Quy Nhơn

Toàn diện – Khai phóng – Thực nghiệp

Toàn diện: Đào tạo người học phát triển toàn diện về trí tuệ, đạo đức, thể chất, năng khiếu cá nhân trong từng lĩnh vực.

Khai phóng: Phát huy tối đa tiềm năng của mỗi người học; giúp người học chủ động, sáng tạo, tự tin, có khả năng thích ứng với sự thay đổi, có ý thức học tập suốt đời.

Thực nghiệp: Đào tạo gắn với thực tiễn, nhu cầu lao động; chú trọng thực học, thực nghiệp; giúp người học thành nghề, đáp ứng yêu cầu thực tế của công việc và có khả năng phát triển từ nghề nghiệp.

Triết lý giáo dục của trường Đại học Quy Nhơn được chuyển tải vào chương trình đào tạo ngành Quản lý nhà nước

Chương trình đào tạo ngành Quản lý nhà nước			Triết lý giáo dục của DQN		
			Toàn diện	Khai phóng	Thực nghiệp
Kiến thức trong chương trình đào tạo	Khối kiến thức đại cương	Các học phần khoa học chính trị, pháp luật	x		
		Các học phần KHXH/KHTN-MT, KH Quản lý, Ngoại ngữ, Tin học		x	
	Khối kiến thức cơ sở ngành	Các học phần lý thuyết	x	x	
		Các học phần thí nghiệm, thực hành	x		
	Khối kiến thức chuyên ngành	Các học phần lý thuyết	x	x	
		Các học phần thí nghiệm, thực hành			

		Các học phần thực tập, thực tế	x		x
		Khóa luận/đồ án tốt nghiệp			x
Hoạt động ngoại khóa		Nghiên cứu khoa học sinh viên	x		x
		Thi hùng biện, thiết kế mô hình, ý tưởng, ...	x		x
		Sinh viên tình nguyện (mùa hè xanh)	x		
		Hiến máu nhân đạo	x		
		Hoạt động vì người nghèo	x		
Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)	PLO1	Đánh giá những kiến thức cơ bản về khoa học chính trị, pháp luật, quốc phòng - an ninh, ngoại ngữ, khởi nghiệp và các kỹ năng giao tiếp căn bản nhằm trang bị những kiến thức cơ bản về chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, giáo dục tư tưởng - chính trị, bồi dưỡng niềm tin, lí tưởng cho sinh viên.	x	x	
	PLO2	Đánh giá được các kiến thức cơ sở cốt lõi của chuyên ngành Quản lý nhà nước gồm: Khoa học quản lý, Lý luận chung về nhà nước và pháp luật, Lý luận hành chính nhà nước; phương pháp nghiên cứu khoa học hành chính; Hiến pháp và các luật tổ chức bộ máy nhà nước; Luật Hành chính và Tổ tụng hành chính...	x	x	x
	PL03	Phát triển các kiến thức nâng cao của chuyên ngành Quản lý nhà nước như: quản lý	x	x	x

		và phát triển tổ chức hành chính nhà nước; nhân sự hành chính nhà nước; hành chính học so sánh; đạo đức công vụ; hoạt động nhà nước quản lý trên các lĩnh vực cụ thể như kinh tế, văn hóa, xã hội, nguồn nhân lực xã hội, đô thị, nông nghiệp và nông thôn, giáo dục đào tạo, khoa học-công nghệ, đất đai, tài nguyên, môi trường, an ninh, quốc phòng, dân tộc, tôn giáo, đối ngoại,...			
	PLO4	Có kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin và sử dụng ngoại ngữ để giải quyết công việc; nghiên cứu lĩnh vực quản lý và quản lý nhà nước	x		x
	PLO5	Có năng lực thực hành, kỹ năng xác định đối tượng, giải quyết vấn đề trong hoạt động quản lý nhà nước;	x	x	x
	PLO6	Có kỹ năng tiếp cận, cập nhật thông tin phục vụ cho hoạt động nghiên cứu. Có khả năng tự nghiên cứu, tự bồi dưỡng để nâng cao trình độ đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của xã hội và hoạt động nghề nghiệp;		x	x
	PLO7	Có kỹ năng lập kế hoạch quản lý, điều hành và tổ chức giám sát hoạt động quản lý nhà nước trên các lĩnh vực như: kinh tế, văn hóa, xã hội, nguồn nhân lực xã hội, đô thị, nông nghiệp và nông thôn, giáo dục		x	x

		đào tạo, khoa học-công nghệ, đất đai, tài nguyên, môi trường, an ninh, quốc phòng, dân tộc, tôn giáo, đối ngoại,...			
	PLO8	Có nhận thức và thái độ ứng xử theo các nguyên tắc và chuẩn mực đạo đức xã hội và đạo đức nghề nghiệp của một cán bộ, công chức và viên chức.	x	x	x
	PLO9	Làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm. Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định.		x	x
	PLO10	Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm của cá nhân trong hoạt động công vụ.		x	x

1.3.3. Sứ mệnh - Tầm nhìn - Giá trị cốt lõi và Triết lý đào tạo của Khoa Lý luận chính trị - Luật và Quản lý nhà nước

Sứ mệnh:

Khoa Lý luận chính trị - Luật và Quản lý nhà nước, Trường Đại học Quy Nhơn có sứ mệnh thực hiện hoạt động đào tạo, nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng về các lĩnh vực lý luận chính trị, pháp luật và quản lý nhà nước nhằm đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng đáp ứng yêu cầu xã hội.

Tầm nhìn:

Đến năm 2030, Khoa Lý luận chính trị - Luật và Quản lý nhà nước, Trường Đại học Quy Nhơn trở thành đơn vị đào tạo theo định hướng ứng dụng có chất lượng, uy tín trong nước.

Giá trị cốt lõi:

Chất lượng - Sáng tạo - Hội nhập - Phát triển

Triết lý đào tạo:

“Gắn lý thuyết với thực hành, gắn đào tạo với trách nhiệm xã hội”

1.4. Mục tiêu của chương trình đào tạo (ký hiệu: POs)

1.4.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân Quản lý nhà nước cơ bản đạt chuẩn nghề nghiệp theo các quy định hiện hành.

1.4.2. Mục tiêu cụ thể (ký hiệu POs)

Cử nhân ngành Quản lý nhà nước có khả năng:

- Về kiến thức

+ PO1: Trang bị cho người học kiến thức cơ bản, hiện đại về nền hành chính nhà nước, nội dung và cách thức, phương pháp quản lý nhà nước trên các lĩnh vực của đời sống xã hội; những vấn đề cơ bản về thực tiễn kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội, an ninh, quốc phòng, đối ngoại... trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam, xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng XHCN và hội nhập quốc tế.

+ PO2: Trang bị cho người học kỹ thuật và khả năng vận dụng kiến thức để giải quyết các vấn đề đặt ra trong tổ chức và hoạt động của nền hành chính, công vụ các cấp, đặc biệt chính quyền địa phương.

+ PO3: Trang bị cho người học kiến thức nền tảng tạo khả năng phát triển kiến thức mới để tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn trong chuyên ngành được đào tạo.

- Về kỹ năng

+ PO4: Trang bị cho người học kỹ năng vận dụng tốt những kiến thức đã học vào việc nghiên cứu, lý giải các vấn đề của thực tiễn xã hội, hoàn thành tốt nhiệm vụ của công chức, viên chức công tác trong lĩnh vực quản lý nhà nước và hệ thống chính trị ở Việt Nam hiện nay.

+ PO5: Trang bị cho người học kỹ năng làm việc và năng lực dẫn dắt chuyên môn, làm việc theo nhóm, phối hợp và chủ trì, xử lý những vấn đề liên quan đến tổ chức và hoạt động của nền hành chính nhà nước.

+ PO6: Trang bị cho người học khả năng sử dụng một ngoại ngữ trong giao tiếp cơ bản và trong hoạt động nghề nghiệp.

+ PO7: Trang bị cho người học kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin, sử dụng tốt các phần mềm chuyên ngành và khai thác hiệu quả công nghệ thông tin trong giải quyết công việc và nghiên cứu trên lĩnh vực quản lý nhà nước.

- Về mức tự chủ và trách nhiệm

+ PO8: Trang bị cho người học năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ đã được đào tạo; có sáng kiến trong quá trình làm việc; có khả năng tự định hướng, thích nghi với công việc được giao ở các môi trường làm việc khác nhau của nền hành chính nhà nước và hệ thống chính trị.

+ PO9: Trang bị cho người học khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề nghiệp vụ cơ bản của nền hành chính, công cụ quản lý nhà nước, và một số vấn đề về kỹ thuật tổ chức, điều hành công sở, văn phòng;

+ PO10: Trang bị cho người học năng lực lập kế hoạch, điều phối, làm việc nhóm, đoàn kết, hợp tác, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động hành chính, công vụ.

1.5. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (ký hiệu PLOs)

Chương trình được thiết kế để đảm bảo sinh viên tốt nghiệp đạt được chuẩn đầu ra sau đây:

1.5.1. Về kiến thức

1) PLO1: Đánh giá những kiến thức cơ bản về khoa học chính trị, pháp luật, quốc phòng - an ninh, ngoại ngữ, khởi nghiệp và các kỹ năng giao tiếp căn bản nhằm trang bị những kiến thức cơ bản về chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, giáo dục tư tưởng - chính trị, bồi dưỡng niềm tin, lí tưởng cho sinh viên.

2) PLO2: Đánh giá các kiến thức cơ sở cốt lõi của chuyên ngành Quản lý nhà nước gồm: Khoa học quản lý, Lý luận chung về nhà nước và pháp luật, Lý luận hành chính nhà nước; phương pháp nghiên cứu khoa học hành chính; Hiến pháp và các luật tổ chức bộ máy nhà nước; Luật Hành chính và Tổ tụng hành chính...

3) PLO3: Phát triển được các kiến thức nâng cao của chuyên ngành Quản lý nhà nước như: quản lý và phát triển tổ chức hành chính nhà nước; nhân sự hành chính nhà nước; hành chính học so sánh; đạo đức công vụ; hoạt động nhà nước quản lý trên các lĩnh vực cụ thể như kinh tế, văn hóa, xã hội, nguồn nhân lực xã hội, đô thị, nông nghiệp và nông thôn, giáo dục đào tạo, khoa học-công nghệ, đất đai, tài nguyên, môi trường, an ninh, quốc phòng, dân tộc, tôn giáo, đối ngoại,...

1.5.2. Về kỹ năng

4) PLO4: Có kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin và sử dụng ngoại ngữ để giải quyết công việc, nghiên cứu lĩnh vực quản lý và quản lý nhà nước;

5) PLO5: Có năng lực thực hành, kỹ năng xác định đối tượng, giải quyết vấn đề trong hoạt động quản lý nhà nước;

6) PLO6: Có kỹ năng tiếp cận, cập nhật thông tin phục vụ cho hoạt động nghiên cứu. Có khả năng tự nghiên cứu, tự bồi dưỡng để nâng cao trình độ đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của xã hội và hoạt động nghề nghiệp;

7) PLO7: Có kỹ năng lập kế hoạch quản lý, điều hành và tổ chức giám sát hoạt động quản lý nhà nước trên các lĩnh vực như: kinh tế, văn hóa, xã hội, nguồn nhân lực xã hội, đô thị, nông nghiệp và nông thôn, giáo dục đào tạo, khoa học-công nghệ, đất đai, tài nguyên, môi trường, an ninh, quốc phòng, dân tộc, tôn giáo, đối ngoại,...

1.5.3. Về mức tự chủ và trách nhiệm

8) PLO8: Có nhận thức và thái độ ứng xử theo các nguyên tắc và chuẩn mực đạo đức xã hội và đạo đức nghề nghiệp của một cán bộ, công chức và viên chức.

9) PLO9: Làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm. Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định.

10) PLO10: Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm của cá nhân trong hoạt động công vụ.

Ma trận mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo PLOs

Mục tiêu (POs)	Chuẩn đầu ra (PLOs)									
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
PO1		x	x	x	x	x	x	x	x	x
PO2	x	x	x	x	x	x	x			
PO3	x	x	x	x	x	x	x			
PO4	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
PO5	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
PO6	x	x	x	x	x	x	x			
PO7	x	x	x	x	x	x	x			
PO8	x	x	x		x		x		x	x
PO9	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
PO10	x	x	x		x	x	x		x	

1.6. Phương pháp giảng dạy - học tập và phương pháp đánh giá

1.6.1. Phương pháp giảng dạy - học tập

- Chuẩn bị của giảng viên

Giảng viên giảng dạy chương trình đào tạo ngành Quản lý Giáo dục cần trang bị những cách thức, kinh nghiệm dạy học khác nhau:

+ Nắm rõ hình thức lớp học đang giảng dạy (lớp học lý thuyết hay thực hành, môn học bắt buộc, môn học tự chọn, môn học bổ trợ, môn học thay thế khóa luận tốt nghiệp...);

- + Nắm rõ kiểu dạy học (dạy học liên môn, dạy học tích hợp...);
- + Hiểu rõ về đối tượng sinh viên (năm nhất, năm hai, năm ba hay năm cuối đại học);
- + Hiểu rõ về các chính sách trong học tập;
- + Giảng viên cần chuẩn bị kỹ giáo trình, bài giảng, sách bài tập, đề cương chi tiết môn học, các phương tiện dạy học, thuyết trình, kế hoạch dạy học, lịch trình dạy học,
- Các phương pháp giảng dạy - học tập
- + Phương pháp dạy học, lấy người học là trung tâm;
- + Thay đổi phương thức hoạt động giảng dạy của giảng viên và học tập của sinh viên: Người học cần tăng cường vấn đề tự suy nghĩ, tự nghiên cứu nhiều hơn, làm nhiều hơn, thảo luận nhiều hơn, với trạng thái thoải mái, hứng thú, trong mối quan hệ thân thiện dân chủ để thực hiện tốt mục tiêu đào tạo;
- + Các phương pháp được sử dụng chủ yếu là: thuyết trình, vấn đáp, bài tập, thảo luận, thực tế, thực hành, làm việc nhóm, E-learning.

Mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra (PLOs) và phương pháp giảng dạy - học tập

Phương pháp giảng dạy- học tập	Chuẩn đầu ra (PLOs)									
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
I. Dạy trực tiếp										
1. Thuyết giảng	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
2. Tham luận	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
II. Dạy gián tiếp										
3. Câu hỏi gợi mở	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
4. Giải quyết vấn đề	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
5. Học theo tình huống	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
III. Học trải nghiệm										
7. Thực tế, thực tập	x	x	x		x	x	x	x	x	x
IV. Dạy học tương tác										
8. Thảo luận	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
9. Bài tập	x	x	x	x	x		x	x	x	x
10. Học nhóm	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
V. Tự học										

Phương pháp giảng dạy- học tập	Chuẩn đầu ra (PLOs)									
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
10. Bài tập ở nhà	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
11. Nghiên cứu tài liệu	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

- Cải tiến nâng cao chất lượng dạy học

+ Chương trình đào tạo được định kỳ rà soát định kỳ 2 năm/1 lần để điều chỉnh cho tốt hơn, kịp thời nhu cầu phát triển xã hội và có tham khảo ý kiến của các bên liên quan.

+ Có nhiều hình thức, phương pháp giúp đỡ hỗ trợ sinh viên trong việc học, đồng thời tăng cường thời gian làm bài tập, thực hành, dự án, thực tế, tham quan.

+ Mỗi học kỳ, khoa, bộ môn xây dựng kế hoạch dự giờ của giảng viên, đặc biệt là giảng viên trẻ nhằm trao đổi chia sẻ kiến thức, phương pháp giảng dạy, góp phần nâng cao năng lực chuyên môn cho giảng viên.

+ Hàng năm nhà trường tổ chức các lớp tập huấn cho giảng viên về kỹ năng giảng dạy, phương pháp giảng dạy và các tiếp cận mới trong giáo dục, dạy học để nâng cao năng lực giảng viên và chất lượng giảng dạy.

+ Thường xuyên lấy ý kiến phản hồi của sinh viên về phẩm chất, năng lực, tâm đức, trách nhiệm của giảng viên trong quá trình dạy học.

1.6.2. Phương pháp đánh giá

* **Thang điểm đánh giá:**

Sử dụng thang điểm 10 cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần

* **Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm**

a. Học phần lý thuyết

STT	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Trọng số
1	Chuyên cần	- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	10%
		- Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, vắng không quá 20% số tiết học. Tùy số tiết vắng, giảng viên quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng	
2	Quá trình	- Sinh viên làm 01 bài kiểm tra cá nhân. Giảng viên nêu tiêu chí cụ thể đánh giá bài kiểm tra.	20%
		- Các bài báo cáo nhóm hoặc seminar hoặc bài tập lớn theo quy định của giảng viên phụ trách giảng dạy. Tiêu chí đánh giá bài báo cáo, seminar, bài tập lớn do giảng viên nêu cụ thể	30%
			40%

STT	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Trọng số
		- Bài kiểm tra tại lớp: Sinh viên làm tại lớp một hoặc một số bài kiểm tra. Giảng viên nêu cụ thể tiêu chí đánh giá bài kiểm tra	
		- Thuyết trình: Nội dung báo cáo, cách thiết kế các slide, khả năng thuyết trình	
		- Bài tập ở nhà: Sinh viên làm ở nhà một hoặc một số bài tập. Giảng viên giao cụ thể các bài tập cho từng sinh viên hoặc từng nhóm sinh viên	
3	Cuối kỳ	Theo đáp án của giảng viên ra đề	70% 60% 50%
		- Viết: Sinh viên làm một bài kiểm tra viết. Giảng viên nêu cụ thể nội dung và tiêu chí của bài kiểm tra cuối kỳ	
		- Vấn đáp: Sinh viên được đánh giá thông qua phỏng vấn, hỏi đáp trực tiếp. Tiêu chí đánh giá dựa vào thái độ trả lời câu hỏi, nội dung trả lời	
		- Thuyết trình: Nội dung báo cáo, cách thiết kế các slide, khả năng thuyết trình	

b. Học phần thực hành

Sinh viên phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng các bài thực hành trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.

c. Học phần khóa luận tốt nghiệp

Thực hiện theo Quy định đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 1241/QĐ-ĐHQN ngày 15/5/2014 của Trường Đại học Quy Nhơn.

* Phương pháp đánh giá

Phương pháp đánh giá được sử dụng trong chương trình đào tạo ngành Quản lý Giáo dục được chia thành 2 loại chính: Đánh giá tiến trình (Formative Assessment) và Đánh giá tổng kết (Summative Assessment).

Các nội dung ở phương pháp đánh giá nêu trên tạo nên mối quan hệ với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được mô tả trong bảng sau:

Ma trận quan hệ giữa phương pháp đánh giá và chuẩn đầu ra (PLOs)

Phương pháp đánh giá	Chuẩn đầu ra (PLOs)									
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
I. Đánh giá tiến trình										
1. Đánh giá chuyên cần	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

2. Đánh giá bài tập	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
3. Đánh giá thuyết trình	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
II. Đánh giá tổng kết										
4. Kiểm tra viết	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
5. Kiểm tra trắc nghiệm	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
6. Bảo vệ và thi vấn đáp	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
7. Báo cáo	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
8. Đánh giá thuyết trình	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
9. Đánh giá làm việc nhóm	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
10. Thực hành	x	x	x		x	x	x	x	x	x

2. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

2.1. Cấu trúc chương trình dạy học

Gồm 135 tín chỉ (chưa bao gồm 3 tín chỉ GDTC và 9 tín chỉ GDQP-AN), cụ thể:

STT	Khối kiến thức, số tín chỉ	Số tín chỉ	
		Bắt buộc	Tự chọn
1	Khối kiến thức giáo dục đại cương	24	
1.1	Khoa học chính trị và pháp luật	13	
1.2	Ngoại ngữ	7	
1.3	KHXH/Toán, KHTN-Môi trường, KH quản lý	4	
2	Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	107	4
2.1	Kiến thức cơ sở ngành và khối ngành	33	
2.2	Kiến thức ngành, chuyên ngành (nếu có)	38	4
2.3	Kiến thức bổ trợ	30	
2.4	Khóa luận tốt nghiệp, học phần thay thế	6	
Tổng:		131	4
		135	

- Khối kiến thức giáo dục đại cương gồm 10 học phần (chưa bao gồm học phần GDTC và học phần GDQP-AN)

+ Hiểu những kiến thức cơ bản, hệ thống của Chủ nghĩa Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam nhằm hình thành thế giới quan khoa học và phương pháp luận biện chứng, trang bị những kiến thức cơ bản về chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, giáo dục tư tưởng - chính trị, bồi dưỡng niềm tin, lí tưởng cho sinh viên.

+ Hiểu những kiến thức cơ bản về pháp luật đại cương để sinh viên thích ứng những nội dung cơ bản về Nhà nước và pháp luật, những nội dung cơ bản của các ngành luật gốc như Hiến pháp, Hành chính, Dân sự, Hình sự,... trong hệ thống pháp luật Việt Nam, từ đó giúp người học nâng cao sự hiểu biết về vai trò và sự quan trọng của Nhà nước và pháp luật trong đời sống, để luôn có thái độ tuân thủ nghiêm chỉnh pháp luật nhà nước, có ý thức đầy đủ về bổn phận và nghĩa vụ của một công dân đối với quốc gia, biết áp dụng pháp luật trong cuộc sống làm việc của mình, nhất là đối với người học trong các ngành học thuộc khoa học xã hội.

+ Hiểu và áp dụng những kiến thức ngoại ngữ vào trong hoạt động giao tiếp công vụ trong điều kiện hội nhập quốc tế.

+ Hiểu và áp dụng những kiến thức cơ bản về khởi tạo doanh nghiệp; hình thành, đánh giá và lựa chọn ý tưởng kinh doanh; lập kế hoạch khởi nghiệp kinh doanh và tổ chức thực hiện khởi nghiệp kinh doanh. Từ đó sinh viên có thể nhìn thấy những thách thức và cơ hội, có niềm tin và động lực để giải quyết những khó khăn, tạo lập sự nghiệp của mình.

+ Hiểu và áp dụng kỹ năng giao tiếp nói chung nhằm làm cơ sở rèn luyện các kỹ năng của chuyên ngành.

- Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp gồm 65 học phần (gồm những tự chọn và học phần thay thế tốt nghiệp)

+ Hiểu và phân tích được những kiến thức cơ bản về khoa học xã hội và nhân văn nhằm tiếp thu các kiến thức cơ sở ngành, chuyên ngành.

+ Hiểu và phân tích được những kiến thức cơ bản về Hiến pháp và một số luật đang ban hành hiện nay làm cơ sở để tiếp thu các kiến thức chuyên ngành như: Hiến pháp và các luật tổ chức bộ máy nhà nước; Luật Hành chính và Tổ tụng hành chính; Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Pháp luật hình sự và Tổ tụng hình sự; Pháp luật dân sự và tổ tụng dân sự.

+ Hiểu và phân tích được những kiến thức chung về khoa học quản lý để vận dụng, triển khai trong thực tế những hoạt động quản lý nhà nước đảm bảo tính khoa học, tính hệ thống.

+ Hiểu và phân tích được những kiến thức cơ bản và thực tiễn về lý luận hành chính nhà nước như: quản lý và phát triển tổ chức hành chính nhà nước; nhân sự hành chính nhà

nước; hành chính học so sánh, các phương pháp, hình thức cơ bản được sử dụng trong hoạt động quản lý hành chính nhà nước và các hoạt động có liên quan trong hoạt động quản lý hành chính nhà nước.

+ Hiểu và phân tích được những kiến thức cơ bản và thực tiễn về nội dung, thẩm quyền, trách nhiệm, bộ máy cơ quan nhà nước, công cụ, phương pháp của quản lý nhà nước trên các lĩnh vực.

+ Lập kế hoạch quản lý, điều hành hoạt động quản lý nhà nước trên các lĩnh vực như: kinh tế, văn hóa, xã hội, nguồn nhân lực xã hội, đô thị, nông nghiệp và nông thôn, giáo dục đào tạo, khoa học-công nghệ, đất đai, tài nguyên, môi trường, an ninh, quốc phòng, dân tộc, tôn giáo, đối ngoại,...

+ Lập kế hoạch tổ chức giám sát hoạt động quản lý nhà nước trong một lĩnh vực cụ thể như: kinh tế, văn hóa, xã hội, nguồn nhân lực xã hội, đô thị, nông nghiệp và nông thôn, giáo dục đào tạo, khoa học - công nghệ, đất đai, tài nguyên, môi trường, an ninh, quốc phòng, dân tộc, tôn giáo, đối ngoại,...

+ Hiểu và áp dụng kiến thức công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc trong hoạt động quản lý nhà nước trên các lĩnh vực.

2.2. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các khối kiến thức vào việc đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

STT	Khối kiến thức	Số TC	Tỉ lệ %	PLOs									
				1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	Khối kiến thức giáo dục đại cương	36	24,5%										
1.1	Khoa học chính trị và pháp luật	13	36,11%	H	L	L	L	M	M	M	H	H	H
1.2	Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng - An ninh	(12)	33,33%	H	M	M	L	L	M	M	M	M	M
1.3	Ngoại ngữ	07	19,45%	H	M	M	H	M	H	M	L	L	L
1.4	KHXH/Toán, KHTN - Môi trường, KH quản lý	04	11,11%	H	L	L	L	M	M	M	H	H	H
2	Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	111	75,5%										
2.1	Kiến thức cơ sở ngành và khối ngành	33	29,73%	M	H	M	M	M	H	L	H	H	H
2.2	Kiến thức ngành, chuyên ngành (nếu có)	42	37,83%	M	M	H	L	M	L	M	H	H	H
2.3	Kiến thức bổ trợ	30	27,03%	L	L	M	H	H	H	H	M	M	M
2.4.	Khóa luận tốt nghiệp, học phân thay thế	06	5,41%	M	M	H	H	H	H	L	L	L	H

2.3. Danh sách các học phần

TT	Mã học phần	Tên học phần	Học kỳ	Số tín chỉ	Giờ trên lớp			TN/TH	Khác (TT, ĐA, BTL)	Giờ tự học	Mã HP học trước	Khoa quản lý học phần	Ghi chú
					LT	BT	TL						
I. Khối kiến thức giáo dục đại cương				24	(chưa bao gồm 3 tín chỉ GDTC và 9 tín chỉ GDQP-AN)								
Phần bắt buộc													
I.1. Khoa học chính trị và pháp luật				13									
1	1130299	Triết học Mác-Lênin	1	3	40		10			90		LLCT-Luật và QLNN	
2	1130300	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	2	27		6			60	1130299	LLCT-Luật và QLNN	
3	1130301	Chủ nghĩa xã hội khoa học	3	2	27		6			60	1130300	LLCT-Luật và QLNN	
4	1130302	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	4	2	27		6			60	1130301	LLCT-Luật và QLNN	
5	1130091	Tư tưởng Hồ Chí Minh	5	2	27		6			60	1130302	LLCT-Luật và QLNN	
6	1130049	Pháp luật đại cương	2	2	27		6			60		LLCT-Luật và QLNN	
I.2. Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng-AN				ĐK									
I.2.1. Giáo dục thể chất: Sinh viên chọn 1 trong 7 nhóm GDTC sau				3									
7	1120172	Giáo dục thể chất 1 (Bóng đá 1)(*)	1	1	4			26		21		GDTC-QP	
8	1120173	Giáo dục thể chất 2 (Bóng đá 2)(*)	2	1	4			26		21	1120172	GDTC-QP	
9	1120174	Giáo dục thể chất 3 (Bóng đá 3)(*)	3	1	4			26		21	1120173	GDTC-QP	
10	1120175	Giáo dục thể chất 1 (Bóng chuyền 1)(*)	1	1	4			26		21		GDTC-QP	
11	1120176	Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyền 2)(*)	2	1	4			26		21	1120175	GDTC-QP	
12	1120177	Giáo dục thể chất 3 (Bóng chuyền 3)(*)	3	1	4			26		21	1120176	GDTC-QP	
13	1120178	Giáo dục thể chất 1 (Bóng rổ 1)(*)	1	1	4			26		21		GDTC-QP	
14	1120179	Giáo dục thể chất 2 (Bóng rổ 2)(*)	2	1	4			26		21	1120178	GDTC-QP	
15	1120180	Giáo dục thể chất 3 (Bóng rổ 3)(*)	3	1	4			26		21	1120179	GDTC-QP	
16	1120181	Giáo dục thể chất 1 (Cầu lông 1)(*)	1	1	4			26		21		GDTC-QP	
17	1120182	Giáo dục thể chất 2 (Cầu lông 2)(*)	2	1	4			26		21	1120181	GDTC-QP	

18	1120183	Giáo dục thể chất 3 (Cầu lông 3)(*)	3	1	4			26		21	1120182	GDTC-QP
19	1120184	Giáo dục thể chất 1 (Võ cổ truyền Việt Nam 1)(*)	1	1	4			26		21		GDTC-QP
20	1120185	Giáo dục thể chất 2 (Võ cổ truyền Việt Nam 2)(*)	2	1	4			26		21	1120184	GDTC-QP
21	1120186	Giáo dục thể chất 3 (Võ cổ truyền Việt Nam 3)(*)	3	1	4			26		21	1120185	GDTC-QP
22	1120187	Giáo dục thể chất 1 (Võ Taekwondo 1)(*)	1	1	4			26		21		GDTC-QP
23	1120188	Giáo dục thể chất 2 (Võ Taekwondo 2)(*)	2	1	4			26		21	1120187	GDTC-QP
24	1120189	Giáo dục thể chất 3 (Võ Taekwondo 3)(*)	3	1	4			26		21	1120188	GDTC-QP
25	1120190	Giáo dục thể chất 1 (Võ Karatedo 1)(*)	1	1	4			26		21		GDTC-QP
26	1120191	Giáo dục thể chất 2 (Võ Karatedo 2)(*)	2	1	4			26		21	1120190	GDTC-QP
27	1120192	Giáo dục thể chất 3 (Võ Karatedo 3)(*)	3	1	4			26		21	1120191	GDTC-QP
I.2.2. Giáo dục quốc phòng-AN				9								
28	1120168	Giáo dục Quốc phòng – An ninh 1(*)	2	3	37		8			82		GDTC-QP
29	1120169	Giáo dục Quốc phòng – An ninh 2(*)	2	2	22		8			52		GDTC-QP
30	1120170	Giáo dục Quốc phòng – An ninh 3(*)	2	2	14			16		44		GDTC-QP
31	1120171	Giáo dục Quốc phòng – An ninh 4(*)	2	2	4			56		36		GDTC-QP
I.3. Ngoại ngữ				7								
32	1090061	Tiếng Anh 1	1	3	45					90		Ngoại ngữ
33	1090166	Tiếng Anh 2	2	4	60					120	1090061	Ngoại ngữ
I.4. KHXH/Toán, KHTN - Môi trường, KH quân lý				4								
34	1150422	Khởi nghiệp	5	2	20	5	10			60		TCNH-QTKD
35	2030003	Kỹ năng giao tiếp	2	2	18		4	20				KHXH-NV
II. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp												
II.1. Kiến thức cơ sở ngành và khối ngành				33								
36	1070052	Lịch sử văn minh thế giới	1	2	26		8			60		KHXH-NV
37	1070023	Đại cương văn hóa Việt Nam	1	2	26		8			60		KHXH-NV
38	1060022	Dẫn luận ngôn ngữ và tiếng Việt thực hành	1	2	20	6	8			60		Khoa Sư phạm
39	1130020	Khoa học quản lý	2	2	30					60		LLCT-Luật và QLLNNN
40	1100138	Xã hội học	1	2	20	5	10			60		KHXH-NV
41	1130033	Lôgic học	1	2	25		10			60		LLCT-Luật

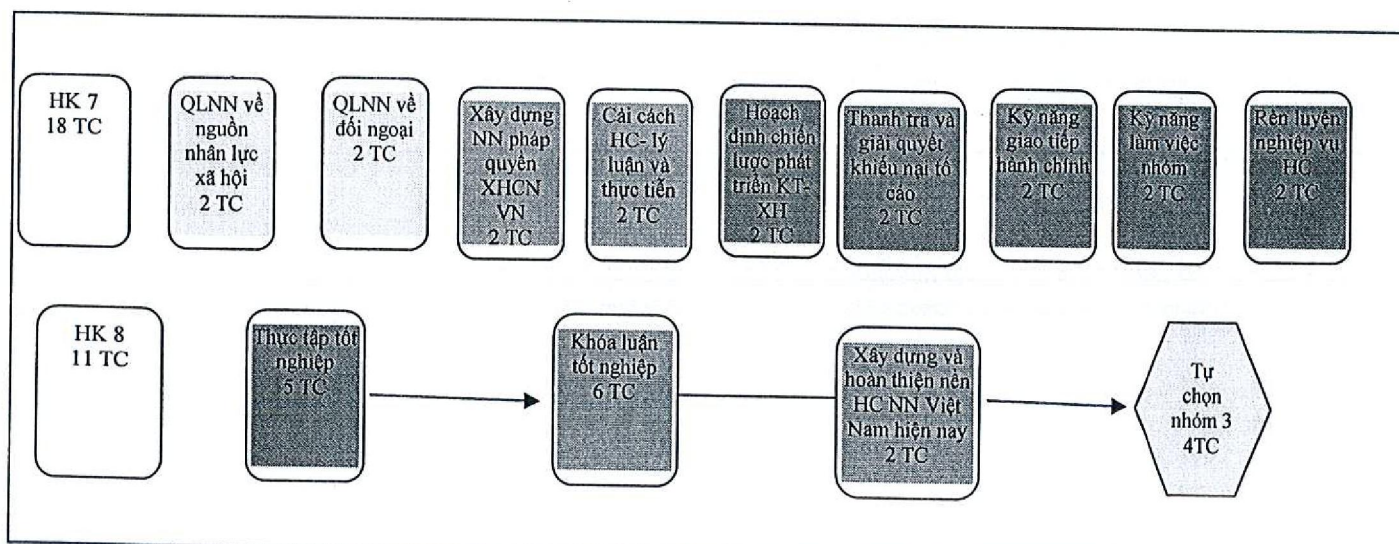
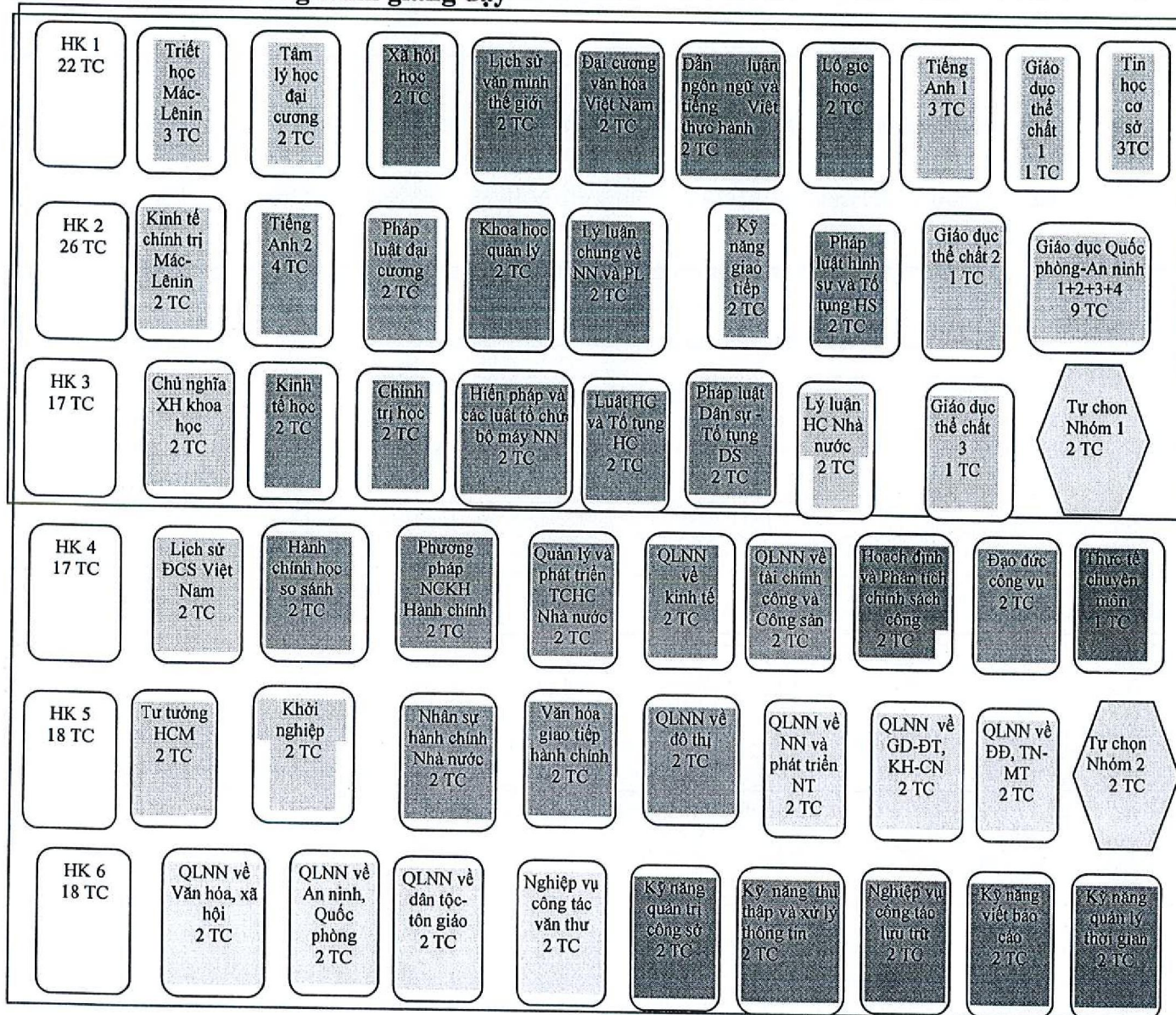
													và QLNN
42	1100020	Tâm lý học đại cương	1	2	20	5	10			60			KHKH-NV
43	1130039	Lý luận chung về Nhà nước và Pháp luật	2	2	30					60			LLCT-Luật và QLNN
44	1130002	Chính trị học	3	2	30					60	1130299		LLCT-Luật và QLNN
45	1130021	Kinh tế học	3	2	22	8				60	1130300		LLCT-Luật và QLNN
46	1050241	Tin học cơ sở (xã hội)	1	3	24	6		30		90			CNTT
47	1130018	Hiến pháp và các Luật tổ chức bộ máy nhà nước	3	2	30					60	1130049		LLCT-Luật và QLNN
48	1130171	Luật Hành chính và Tổ tụng hành chính	3	2	30					60	1130049		LLCT-Luật và QLNN
49	1130050	Pháp luật Dân sự - Tổ tụng dân sự	3	2	30					60	1130049		LLCT-Luật và QLNN
50	1130053	Pháp luật Hình sự và Tổ tụng hình sự	2	2	30					60			LLCT-Luật và QLNN
51	1130333	Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam	7	2	27		6			60	1130018		LLCT-Luật và QLNN
II.2. Kiến thức ngành, chuyên ngành (nếu có)					42								
II.2.1. Kiến thức ngành					18								
II.2.1a. Phần bắt buộc													
52	1130303	Lý luận hành chính nhà nước	3	2	30					60	1130039		LLCT-Luật và QLNN
53	1130017	Hành chính học so sánh	4	2	30					60	1130303		LLCT-Luật và QLNN
54	1130184	Đạo đức công vụ	4	2	30					60	1130299		LLCT-Luật và QLNN
55	1130185	Nhân sự hành chính nhà nước	5	2	30					60	1130303		LLCT-Luật và QLNN
56	1130189	Văn hóa giao tiếp hành chính	5	2	30					60	2030003		LLCT-Luật và QLNN
57	1130190	Phương pháp nghiên cứu khoa học hành chính	4	2	30					60	1130303		LLCT-Luật và QLNN
58	1130204	Cải cách hành chính-lý luận và thực tiễn	7	2	30					60	1130303		LLCT-Luật và QLNN
59	1130308	Quản lý và Phát triển tổ chức hành chính nhà nước	4	2	30					60	1130018		LLCT-Luật và QLNN
II.2.1b. Phần tự chọn 2TC/10TC													
60	1130304	Quản lý nhà nước của cơ quan quyền lực và cơ quan tư pháp	3	2	30					60			LLCT-Luật và QLNN
61	1130026	Lịch sử hành chính nhà nước Việt Nam	3	2	30					60			LLCT-Luật và QLNN
62	1130305	Công vụ công chức	3	2	30					60			LLCT-Luật và QLNN
63	1130306	Chính phủ điện tử	3	2	30					60			LLCT-Luật

												và QLNN	
64	1130307	Pháp luật trong hành chính nhà nước	3	2	30				60			LLCT-Luật và QLNN	
II.2.2. Kiến thức chuyên ngành (nếu có)													
II.2.2a. Phần bắt buộc													
65	1130191	Quản lý nhà nước về văn hóa xã hội	6	2	30				60	1130192		LLCT-Luật và QLNN	
66	1130192	Quản lý nhà nước về kinh tế	4	2	30				60	1130300		LLCT-Luật và QLNN	
67	1130193	Quản lý nhà nước về tài chính công và công sản	4	2	30				60	1130020		LLCT-Luật và QLNN	
68	1130194	Quản lý nhà nước về nguồn nhân lực xã hội	7	2	30				60	1130192		LLCT-Luật và QLNN	
69	1130074	Quản lý nhà nước về đô thị	5	2	30				60	1130193		LLCT-Luật và QLNN	
70	1130066	Quản lý nhà nước về nông nghiệp và phát triển nông thôn	5	2	30				60	1130192		LLCT-Luật và QLNN	
71	1130197	Quản lý nhà nước về giáo dục – đào tạo, khoa học – công nghệ	5	2	30				60			LLCT-Luật và QLNN	
72	1130198	Quản lý nhà nước về đất đai, tài nguyên, môi trường	5	2	30				60	1130049		LLCT-Luật và QLNN	
73	1130073	Quản lý nhà nước về an ninh quốc phòng	6	2	30				60	1130097		LLCT-Luật và QLNN	
74	1130064	Quản lý nhà nước về dân tộc, tôn giáo	6	2	30				60	1130098		LLCT-Luật và QLNN	
75	1130081	Quản lý nhà nước về đối ngoại	7	2	30				60			LLCT-Luật và QLNN	
II.2.2b. Phần tự chọn 2TC/10TC													
76	1130239	Thông tin trong Quản lý nhà nước	5	2	30				60	1130192		LLCT-Luật và QLNN	
77	1130309	Quản lý công	5	2	30				60	1130198		LLCT-Luật và QLNN	
78	1130310	Quản lý dự án	5	2	30				60	1130198		LLCT-Luật và QLNN	
79	1130311	Quản lý nhà nước về dân số và phát triển	5	2	30				60			LLCT-Luật và QLNN	
80	1130312	Quản lý thương mại	5	2	30				60			LLCT-Luật và QLNN	
II.3. Kiến thức bổ trợ													
Các học phần bắt buộc													
II.3.1. Đào tạo, rèn luyện nghiệp vụ, kỹ năng nghề nghiệp													
81	1130334	Rèn luyện nghiệp vụ hành chính	7	2				60	60	1130190		LLCT-Luật và QLNN	
82	1130048	Hoạch định và phân tích chính	4	2	27		6		60	1130020		LLCT-Luật	

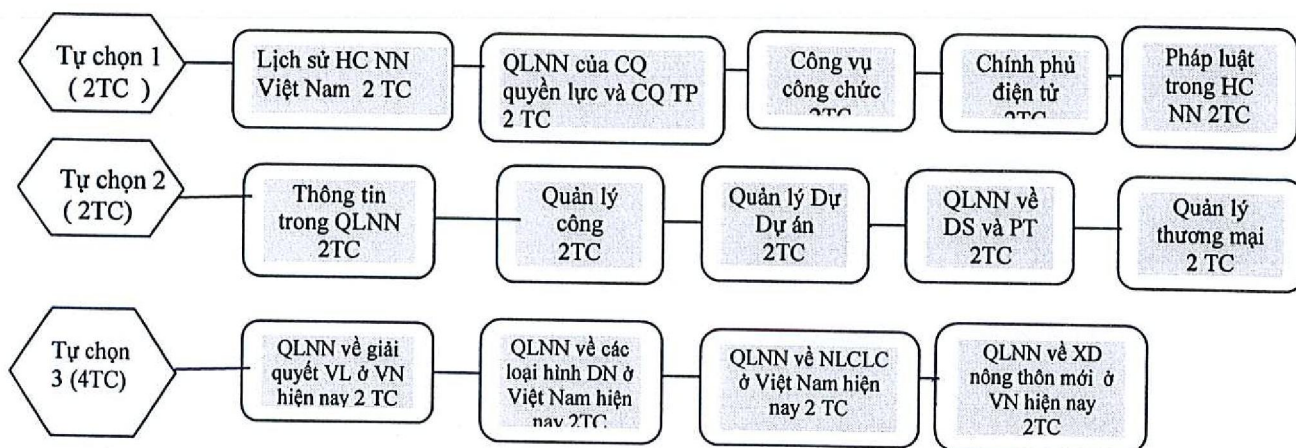
		sách công										và QLNN
83	1130205	Hoạch định chiến lược phát triển kinh tế-xã hội	7	2	27		6			60	1130020	LLCT-Luật và QLNN
84	1130206	Thanh tra và giải quyết khiếu nại, tố cáo	7	2	27		6			60	1130049	LLCT-Luật và QLNN
85	1130319	Kỹ năng giao tiếp hành chính	7	2	20	5	5	5		60	2030003	LLCT-Luật và QLNN
86	1130320	Kỹ năng làm việc nhóm	7	2	20	5	5	5		60	1130315	LLCT-Luật và QLNN
87	1130313	Nghiệp vụ công tác văn thư	6	2	20	5	5	5		60	1130189	LLCT-Luật và QLNN
88	1130314	Kỹ năng quản trị công sở	6	2	20	5	5	5		60	1130189	LLCT-Luật và QLNN
89	1130315	Kỹ năng thu thập và xử lý thông tin	6	2	20	5	5	5		60	1130189	LLCT-Luật và QLNN
90	1130316	Nghiệp vụ công tác lưu trữ	6	2	20	5	5	5		60	1130189	LLCT-Luật và QLNN
91	1130317	Kỹ năng viết báo cáo	6	2	20	5	5	5		60	1130189	LLCT-Luật và QLNN
92	1130318	Kỹ năng quản lý thời gian	6	2	20	5	5	5		60	1130189	LLCT-Luật và QLNN
III.3.2. Thực tập nghề nghiệp, thực tập tốt nghiệp				6								
93	1130097	Thực tế chuyên môn	4	1					TT			LLCT-Luật và QLNN
94	1130210	Thực tập tốt nghiệp	8	5					TT			
II.4. Khóa luận tốt nghiệp, học phần thay thế												
95	1130090	Khóa luận tốt nghiệp	8	6					KL			LLCT-Luật và QLNN
Học phần thay thế			8	6								
<i>Học phần bắt buộc</i>				2								
96	1130321	Xây dựng và hoàn thiện nền hành chính nhà nước Việt Nam hiện nay	8	2	30					60	1130333	LLCT-Luật và QLNN
<i>Các học phần tự chọn 4TC/8TC</i>				4								
97	1130212	Quản lý nhà nước về giải quyết việc làm ở Việt Nam hiện nay	8	2	30					60	1130192	LLCT-Luật và QLNN
98	1130213	Quản lý nhà nước về các loại hình doanh nghiệp ở Việt Nam hiện nay	8	2	30					60	1130192	LLCT-Luật và QLNN
99	1130214	Quản lý nhà nước về nguồn nhân lực chất lượng cao ở Việt Nam hiện nay	8	2	30					60	1130194	LLCT-Luật và QLNN
100	1130215	QLNN về xây dựng nông thôn mới ở Việt Nam hiện nay	8	2	30					60	1130066	LLCT-Luật và QLNN
Tổng cộng				135								

Ghi chú: (*) – Học phân điều kiện

2.4. Sơ đồ chương trình giảng dạy



Danh sách các học phần tự chọn



Chú thích:

▬	Khối kiến thức giáo dục đại cương	▬	Kiến thức bổ trợ
▬	Kiến thức cơ sở ngành và khối ngành	▬	Khóa luận tốt nghiệp, học phần thay thế
▬	Kiến thức ngành, chuyên ngành (nếu có)	→	Học phần học trước
Tên học phần (x,y)	x: Số tín chỉ lý thuyết y: Số tín chỉ thí nghiệm – thực hành	----->	Học phần song hành

2.5. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo PLOs

TT	Mã học phần	Tên học phần	PLOs									
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	1130299	Triết học Mác Lê -Nin	H	L	L	L	M	M	M	H	H	H
2	1130300	Kinh tế chính trị -Mác Lê Nin	H	L	L	L	M	M	M	H	H	H
3	1130301	Chủ nghĩa Xã hội khoa học	H	L	L	L	M	M	M	H	H	H
4	1130302	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	H	L	L	L	M	M	M	H	H	H
5	1130091	Tư tưởng Hồ Chí Minh	H	L	L	L	M	M	M	H	H	H
6	1130049	Pháp luật đại cương	H	L	L	L	M		M	H	H	H
7	1120172	Giáo dục thể chất 1 (Bóng đá 1) (*)	H	L	L		L	L	L	L	L	L
8	1120173	Giáo dục thể chất 2 (Bóng đá 2) (*)	H	L	L		L	L	L	L	L	L
9	1120174	Giáo dục thể chất 3 (Bóng đá 3) (*)	H	L	L		L	L	L	L	L	L

TT	Mã học phần	Tên học phần	PLOs									
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
10	1120175	Giáo dục thể chất 1 (Bóng chuyền 1) (*)	H	L	L		L	L	L	L	L	L
11	1120176	Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyền 2) (*)	H	L	L		L	L	L	L	L	L
12	1120177	Giáo dục thể chất 3 (Bóng chuyền 3) (*)	H	L	L		L	L	L	L	L	L
13	1120178	Giáo dục thể chất 1 (Bóng rổ 1) (*)	H	L	L		L	L	L	L	L	L
14	1120179	Giáo dục thể chất 2 (Bóng rổ 2) (*)	H	L	L		L	L	L	L	L	L
15	1120180	Giáo dục thể chất 3 (Bóng rổ 3) (*)	H	L	L		L	L	L	L	L	L
16	1120181	Giáo dục thể chất 1 (Cầu lông 1) (*)	H	L	L		L	L	L	L	L	L
17	1120182	Giáo dục thể chất 2 (Cầu lông 2) (*)	H	L	L		L	L	L	L	L	L
18	1120183	Giáo dục thể chất 3 (Cầu lông 3) (*)	H	L	L		L	L	L	L	L	L
19	1120184	Giáo dục thể chất 1 (Võ cổ truyền Việt Nam 1) (*)	H	L	L		L	L	L	L	L	L
20	1120185	Giáo dục thể chất 2 (Võ cổ truyền Việt Nam 2) (*)	H	L	L		L	L	L	L	L	L
21	1120186	Giáo dục thể chất 3 (Võ cổ truyền Việt Nam 3) (*)	H	L	L		L	L	L	L	L	L
22	1120187	Giáo dục thể chất 1 (Võ Taekwondo 1) (*)	H	L	L		L	L	L	L	L	L
23	1120188	Giáo dục thể chất 2 (Võ Taekwondo 2) (*)	H	L	L		L	L	L	L	L	L
24	1120189	Giáo dục thể chất 3 (Võ Taekwondo 3) (*)	H	L	L		L	L	L	L	L	L
25	1120190	Giáo dục thể chất 1 (Võ Karatedo 1) (*)	H	L	L		L	L	L	L	L	L
26	1120191	Giáo dục thể chất 2 (Võ Karatedo 2) (*)	H	L	L		L	L	L	L	L	L
27	1120192	Giáo dục thể chất 3 (Võ Karatedo 3) (*)	H	L	L		L	L	L	L	L	L
28	1120168	Giáo dục quốc phòng-An ninh 1(*)	H	M	M	L	L	M	M	M	M	M
29	1120169	Giáo dục quốc phòng-An ninh 2(*)	H	M	M	L	L	M	M	M	M	M
30	1120170	Giáo dục quốc phòng-An ninh 3(*)	H	M	M	L	L	M	M	M	M	M
31	1120171	Giáo dục quốc phòng-An ninh	H	M	M	L	L	M	M	M	M	M

TT	Mã học phần	Tên học phần	PLOs										
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
		4(*)											
32	1090061	Tiếng Anh 1	H	M	M	H	M	H	M	L	L	L	
33	1090166	Tiếng Anh 2	H	M	M	H	M	H	M	L	L	L	
34	2030003	Kỹ năng giao tiếp	H	L	L	L	M	M	M	H	H	H	
35	1150422	Khởi nghiệp	H	L	L	L	M	M	M	H	H	H	
36	1070052	Lịch sử văn minh thế giới	H	M	M	L	L	M	L	H	H	H	
37	1070023	Đại cương văn hóa Việt Nam	H	M	M	L	L	M	L	H	H	H	
38	1060022	Dẫn luận ngôn ngữ và tiếng Việt thực hành	H	M	M	L	L	M	L	H	H	H	
39	1130020	Khoa học quản lý	M	H	M	M	M	H	L	H	H	H	
40	1100138	Xã hội học	H	M	M	L	L	M	L	H	H	H	
41	1130033	Lôgic học	M	H	M	M	M	H	L	H	H	H	
42	1100020	Tâm lý học đại cương	M	H	M	M	M	H	L	H	H	H	
43	1130039	Lý luận chung về Nhà nước và Pháp luật	M	H	M	M	M	H	L	H	H	H	
44	1130002	Chính trị học	M	H	M	M	M	H	L	H	H	H	
45	1130021	Kinh tế học	M	H	M	M	M	H	L	H	H	H	
46	1050241	Tin học cơ sở (xã hội)	H	M	M	H	L	H	L	L	L	L	
47	1130018	Hiến pháp và các luật tổ chức bộ máy nhà nước	M	H	M	M	M	H	L	H	H	H	
48	1130171	Luật Hành chính và Tổ tụng hành chính	M	H	M	M	M	H	L	H	H	H	
49	1130050	Pháp luật Dân sự - Tổ tụng dân sự	M	H	M	M	M	H	L	H	H	H	
50	1130053	Pháp luật Hình sự và Tổ tụng hình sự	M	H	M	M	M	H	L	H	H	H	
51	1130333	Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam	M	H	M	M	M	H	L	H	H	H	
52	1130303	Lý luận hành chính nhà nước	M	H	M	M	M	H	L	H	H	H	
53	1130017	Hành chính học so sánh	M	M	H	L	M	L	M	H	H	H	
54	1130184	Đạo đức công vụ	M	M	H	L	M	L	M	H	H	H	
55	1130185	Nhân sự hành chính nhà nước	M	M	H	L	M	L	M	H	H	H	
56	1130189	Văn hóa giao tiếp hành chính	M	M	H	L	M	L	M	H	H	H	
57	1130190	Phương pháp nghiên cứu khoa học hành chính	M	M	H	L	M	L	M	H	H	H	
58	1130204	Cải cách hành chính-lý luận và thực tiễn	M	M	H	L	M	L	M	H	H	H	
59	1130308	Quản lý và Phát triển tổ chức hành chính nhà nước	M	M	H	L	M	L	M	H	H	H	
60	1130304	Quản lý nhà nước của cơ quan quyền lực và cơ quan tư pháp	M	M	H	L	M	L	M	H	H	H	

TT	Mã học phần	Tên học phần	PLOs									
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
61	1130026	Lịch sử hành chính nhà nước Việt Nam	M	M	H	L	M	L	M	H	H	H
62	1130305	Công vụ công chức	M	M	H	L	M	L	M	H	H	H
63	1130306	Chính phủ điện tử	M	M	H	L	M	L	M	H	H	H
64	1130307	Pháp luật trong hành chính nhà nước	M	M	H	L	M	L	M	H	H	H
65	1130191	Quản lý nhà nước về văn hóa, xã hội	M	M	H	L	M	L	M	H	H	H
66	1130192	Quản lý nhà nước về kinh tế	M	M	H	L	M	L	M	H	H	H
67	1130193	Quản lý nhà nước về tài chính công và công sản	M	M	H	L	M	L	M	H	H	H
68	1130194	Quản lý nhà nước về nguồn nhân lực xã hội	M	M	H	L	M	L	M	H	H	H
69	1130074	Quản lý nhà nước về đô thị	M	M	H	L	M	L	M	H	H	H
70	1130066	Quản lý nhà nước về nông nghiệp và phát triển nông thôn	M	M	H	L	M	L	M	H	H	H
71	1130197	Quản lý nhà nước về giáo dục – đào tạo, khoa học – công nghệ	M	M	H	L	M	L	M	H	H	H
72	1130198	Quản lý nhà nước về đất đai, tài nguyên, môi trường	M	M	H	L	M	L	M	H	H	H
73	1130073	Quản lý nhà nước về an ninh, quốc phòng	M	M	H	L	M	L	M	H	H	H
74	1130064	Quản lý nhà nước về dân tộc-tôn giáo	M	M	H	L	M	L	M	H	H	H
75	1130081	Quản lý nhà nước về đối ngoại	M	M	H	L	M	L	M	H	H	H
76	1130239	Thông tin trong Quản lý nhà nước	M	M	H	L	M	L	M	H	H	H
77	1130309	Quản lý công	M	M	H	L	M	L	M	H	H	H
78	1130310	Quản lý dự án	M	M	H	L	M	L	M	H	H	H
79	1130311	Quản lý nhà nước về dân số và phát triển	M	M	H	L	M	L	M	H	H	H
80	1130312	Quản lý thương mại	M	M	H	L	M	L	M	H	H	H
81	1130334	Rèn luyện nghiệp vụ hành chính	L	L	M	H	H	H	H	M	M	M
82	1130048	Hoạch định và phân tích chính sách công	L	L	M	H	H	H	H	M	M	M
83	1130205	Hoạch định chiến lược phát triển kinh tế-xã hội	L	L	M	H	H	H	H	M	M	M
84	1130206	Thanh tra và giải quyết khiếu nại, tố cáo	L	L	M	H	H	H	H	M	M	M
85	1130319	Kỹ năng giao tiếp hành chính	L	L	M	H	H	H	H	M	M	M
86	1130320	Kỹ năng làm việc nhóm	L	L	M	H	H	H	H	M	M	M

TT	Mã học phần	Tên học phần	PLOs									
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
87	1130313	Nghệ vụ công tác văn thư	L	L	M	H	H	H	H	M	M	M
88	1130314	Kỹ năng quản trị công sở	L	L	M	H	H	H	H	M	M	M
89	1130315	Kỹ năng thu thập và xử lý thông tin	L	L	M	H	H	H	H	M	M	M
90	1130316	Nghệ vụ công tác lưu trữ	L	L	M	H	H	H	H	M	M	M
91	1130317	Kỹ năng viết báo cáo	L	L	M	H	H	H	H	M	M	M
92	1130318	Kỹ năng quản lý thời gian	L	L	M	H	H	H	H	M	M	M
93	1130097	Thực tế chuyên môn	M	M	H	L				H	H	H
94	1130210	Thực tập tốt nghiệp	M	M	H	H	H	H	H	H	H	H
95	1130090	Khóa luận tốt nghiệp	M	M	H	H	H	H	L	L	L	H
96	1130321	Xây dựng và hoàn thiện nền hành chính nhà nước Việt Nam hiện nay	M	M	H	L	M	L	M	H	H	H
97	1130212	Quản lý nhà nước về giải quyết việc làm ở Việt Nam hiện nay	M	M	H	L	M	L	M	H	H	H
98	1130213	Quản lý nhà nước về các loại hình doanh nghiệp ở Việt Nam hiện nay	M	M	H	L	M	L	M	H	H	H
99	1130214	Quản lý nhà nước về nguồn nhân lực chất lượng cao ở Việt Nam hiện nay	M	M	H	L	M	L	M	H	H	H
100	1130215	Quản lý nhà nước về xây dựng nông thôn mới ở Việt Nam hiện nay	M	M	H	L	M	L	M	H	H	H

Ghi chú: (*) – Học phần điều kiện

2.6. Mô tả tóm tắt các học phần

2.6.1. [1130299], [Triết học Mác Lênin], [3 tín chỉ]

Học phần trang bị cho người học những kiến thức về những nguyên lý, những quy luật chung nhất về tự nhiên, về xã hội và về tư duy trên cơ sở thế giới quan và phương pháp luận của triết học Mác – Lênin. Từ đó, giúp cho người học nắm vững những nội dung cơ bản của thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận chung nhất để tiếp cận các khoa học chuyên ngành được đào tạo.

2.6.2. [1130300], [Kinh tế chính trị Mác Lênin], [2 tín chỉ]

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản của môn khoa học, góp phần đào tạo nên những con người không chỉ có năng lực chuyên môn nghiệp vụ mà còn có phẩm chất chính trị đạo đức đáp ứng được đòi hỏi của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

2.6.3. [1130301], [Chủ nghĩa xã hội khoa học], [2 tín chỉ]

Học phần bao gồm những nội dung cơ bản của chủ nghĩa xã hội khoa học, cung cấp cho sinh viên những căn cứ lý luận khoa học để hiểu Cương lĩnh xây dựng đất nước, đường lối chính sách xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; lý giải và có thái độ đúng đắn với con đường đi lên chủ nghĩa xã hội - con đường mà Đảng và nhân dân ta đã lựa chọn.

2.6.4. [1130302], [Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam], [2 tín chỉ]

Học phần cung cấp những hiểu biết có tính hệ thống về sự lãnh đạo của Đảng qua các thời kỳ cách mạng và các lĩnh vực cụ thể trong quá trình xây dựng CNXH ở nước ta. Tiếp tục cung cấp những kiến thức cơ bản về lý luận chủ nghĩa Mác – Lênin, góp phần tạo lập những hiểu biết về nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam hành động của Đảng và của cách mạng nước ta.

2.6.5. [1130091], [Tư tưởng Hồ Chí Minh], [2 tín chỉ]

Học phần cung cấp những hiểu biết có tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hoá, nhân văn Hồ Chí Minh; tiếp tục cung cấp những kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác – Lênin, góp phần xây dựng nền tảng đạo đức con người mới.

2.6.6. [1130049], [Pháp luật đại cương], [2 tín chỉ]

Học phần trình bày các vấn đề lý luận cơ bản về nhà nước và pháp luật; hệ thống pháp luật Việt Nam và một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam; trang bị cho người học kiến thức đại cương về các vấn đề: Nguồn gốc, bản chất, chức năng, hình thức, các kiểu nhà nước; Nguồn gốc, bản chất, chức năng, hình thức, các kiểu pháp luật; Cơ chế điều chỉnh pháp luật...

2.6.7. [1120172], [Giáo dục thể chất 1 - Bóng đá 1], [1 tín chỉ]

Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức về: Nguyên lý kỹ thuật tăng bóng bằng đùi, đá bóng bằng lòng bàn chân, má trong bàn chân, kỹ thuật dẫn bóng, phương pháp rèn luyện các tổ chất thể lực, một số điều luật của Bóng đá 5 người.

- Bồi dưỡng những phẩm chất, ý chí trong tập luyện và thi đấu; Nâng cao sức khỏe và phát triển các tổ chất thể lực; tăng cường tình hữu nghị, đoàn kết trong tập thể.

2.6.8. [1120173], [Giáo dục thể chất 2 - Bóng đá 2], [1 tín chỉ]

Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức về: Nguyên lý kỹ thuật tăng bóng bằng mu chính diện, sút bóng bằng mu chính diện, sút bóng má trong bàn chân, kỹ thuật dẫn bóng, một số điều luật của Bóng đá 7 người, phương pháp phòng ngừa chấn thương trong tập luyện thể dục thể thao.

Bồi dưỡng những phẩm chất, ý chí trong tập luyện và thi đấu; Nâng cao sức khỏe và phát triển các tổ chất thể lực; tăng cường tình hữu nghị, đoàn kết trong tập thể.

2.6.9. [1120174], [Giáo dục thể chất 3 - Bóng đá 3], [1 tín chỉ]

Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức về: Nguyên lý kỹ thuật đánh đầu bằng trán giữa, kỹ thuật ném biên, ôn tập các kỹ thuật đã học ở những học phần trước như các kỹ thuật sút bóng, dẫn bóng, tâng bóng..., một số điều luật của Bóng đá 11 người, Lịch sử phát triển bóng đá của thế giới và Việt Nam.

Bồi dưỡng những phẩm chất, ý chí trong tập luyện và thi đấu; Nâng cao sức khỏe và phát triển các tố chất thể lực; tăng cường tình hữu nghị, đoàn kết trong tập thể.

2.6.10. [1120175], [Giáo dục thể chất 1 - Bóng chuyên 1], [1 tín chỉ]

Khái quát lịch sử phát triển, đặc điểm, tác dụng, luật thi đấu môn bóng chuyên. Các nguyên tắc về phương pháp tập luyện bóng chuyên, cách phòng ngừa và sơ cứu chấn thương trong tập luyện TDDT. Trang bị cho sinh viên kỹ thuật di chuyển, đệm bóng [chuyên bóng thấp tay], chuyên bóng cao tay trước mặt, phát bóng cao tay và thấp tay, một số điều luật và phương pháp trọng tài bóng chuyên.

2.6.11. [1120176], [Giáo dục thể chất 1 - Bóng chuyên 2], [1 tín chỉ]

Giới thiệu Luật thi đấu môn bóng chuyên. Các nguyên tắc về phương pháp tập luyện bóng chuyên, cách phòng ngừa và sơ cứu chấn thương trong tập luyện Bóng chuyên. Một số bài tập bổ trợ cho môn học. Nâng cao kỹ thuật đệm bóng [chuyên bóng thấp tay], chuyên bóng cao tay trước mặt, phát bóng cao tay và thấp tay, kỹ thuật đập bóng chính diện theo phương lấy đà.

2.6.12. [1120177], [Giáo dục thể chất 1 - Bóng chuyên 3], [1 tín chỉ]

Học phần trang bị cho sinh viên nắm được những điều luật thi đấu, phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài và phương pháp tập luyện môn bóng chuyên. Nâng cao các kỹ thuật đệm bóng, kỹ thuật chuyên bóng cao tay, kỹ thuật phát bóng, kỹ thuật đập bóng. Các kỹ thuật chắn bóng, kỹ thuật phòng thủ, chiến thuật tấn công và chiến thuật phòng thủ, đội hình thi đấu và thi đấu ứng dụng.

2.6.13. [1120178], [Giáo dục thể chất 1 - Bóng rổ 1], [1 tín chỉ]

Bóng rổ là môn thể thao có tác dụng tăng cường sức khỏe, phát triển thể chất con người toàn diện cả về trí lực và thể lực. Học phần trang bị cho sinh viên những kỹ năng cơ bản trong môn bóng rổ, hình thành biểu tượng một số động tác kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ. Kết thúc học phần sinh viên có khả năng thực hành các động tác kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ.

2.6.14. [1120179], [Giáo dục thể chất 1 - Bóng rổ 2], [1 tín chỉ]

Bóng rổ là môn thể thao có tác dụng tăng cường sức khỏe, phát triển thể chất con người toàn diện cả về trí lực và thể lực. Học phần trang bị cho sinh viên những kỹ năng cơ

bản trong môn bóng rổ, hình thành biểu tượng một số động tác kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ. Kết thúc học phần sinh viên có khả năng thực hành các động tác kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ.

2.6.15. [1120180], [Giáo dục thể chất 1 - Bóng rổ 3], [1 tín chỉ]

Bóng rổ là môn thể thao có tác dụng tăng cường sức khỏe, phát triển thể chất con người toàn diện cả về trí lực và thể lực. Học phần trang bị cho sinh viên những kỹ năng cơ bản trong môn bóng rổ, hình thành biểu tượng một số động tác kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ. Kết thúc học phần sinh viên có khả năng thực hành các động tác kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ, có thể vận dụng vào trong thi đấu.

2.6.16. [1120181], [Giáo dục thể chất 1 – Cầu lông 1], [1 tín chỉ]

Học phần này giúp sinh viên nắm vững và vận dụng các kỹ thuật cơ bản nhất trong môn cầu lông nhằm ứng dụng vào thực tiễn tập luyện thể thao nâng cao sức khỏe và đạt hiệu quả trong công tác giáo dục thể chất trong trường học.

Thực hiện đúng các kỹ thuật cơ bản khi tham gia tập luyện môn cầu lông nhằm rèn luyện thể chất.

Nắm vững và hiểu được cách tính điểm và một số lỗi khi tham gia tập luyện môn cầu lông.

2.6.17. [1120182], [Giáo dục thể chất 1 – Cầu lông 2], [1 tín chỉ]

Học phần này giúp sinh viên nắm vững và vận dụng các kỹ thuật cơ bản nhất trong môn cầu lông nhằm ứng dụng vào thực tiễn tập luyện thể thao nâng cao sức khỏe và đạt hiệu quả trong công tác giáo dục thể chất trong trường học.

Thực hiện đúng các kỹ thuật cơ bản khi tham gia tập luyện môn cầu lông nhằm rèn luyện thể chất.

Nắm vững và hiểu được cách tính điểm và một số lỗi khi tham gia tập luyện môn cầu lông.

2.6.18. [1120183], [Giáo dục thể chất 1 – Cầu lông 3], [1 tín chỉ]

Học phần này giúp sinh viên nắm vững và vận dụng các kỹ thuật nâng cao trong môn cầu lông nhằm ứng dụng vào thực tiễn tập luyện thể thao nâng cao sức khỏe và đạt hiệu quả trong công tác giáo dục thể chất trong trường học.

Thực hiện đúng các kỹ thuật nâng cao khi tham gia tập luyện môn cầu lông nhằm rèn luyện thể chất.

2.6.19. [1120184], [Giáo dục thể chất 1 – Võ cổ truyền Việt Nam 1], [1 tín chỉ]

Trang bị cho sinh viên những kiến thức chung, kỹ năng thực hành võ đạo và võ thuật cơ bản: Thực hiện được một số động tác kỹ thuật đặc trưng, căn bản của Võ cổ truyền Việt Nam ở mức độ cơ bản, chính xác. Nắm vững kỹ thuật căn bản công tay không, đấu luyện tự vệ và từng bước làm quen, tiếp thu trong tập luyện, thi đấu thể thao trong phân môn Quyền nhằm hoàn thiện thể chất và phát triển thành tích học tập.

Giáo dục, giáo dưỡng những phẩm chất đạo đức, nhân cách tốt, có ý thức tổ chức kỷ luật, trách nhiệm, đoàn kết, tính tập thể, làm việc nhóm, lòng dũng cảm, yêu nước, tinh thần dân tộc.

2.6.20. [1120185], [Giáo dục thể chất 1 – Võ cổ truyền Việt Nam 2], [1 tín chỉ]

Trang bị cho sinh viên những kiến thức chuyên môn và kỹ năng thực hành võ thuật thuần thực căn bản, gồm: Thực hiện được một số động tác kỹ thuật của Võ cổ truyền Việt Nam ở mức độ cơ bản thuần thực, chính xác. Nắm vững kỹ thuật đấu luyện tự vệ và vận dụng đúng đắn luật thi đấu Võ cổ truyền Việt Nam trong tập luyện, thi đấu Quyền và Đối kháng nhằm phát triển thể lực toàn diện và nâng cao thành tích học tập.

- Giáo dục, giáo dưỡng những phẩm chất đạo đức, nhân cách tốt, có ý thức tổ chức kỷ luật, trách nhiệm, đoàn kết, làm việc nhóm, tính tập thể, lòng dũng cảm, yêu nước, tinh thần dân tộc.

2.6.21. [1120186], [Giáo dục thể chất 1 – Võ cổ truyền Việt Nam 3], [1 tín chỉ]

Trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng thực hành võ thuật cơ bản: Thực hiện được một số động tác kỹ thuật cơ bản của Võ cổ truyền Việt Nam ở mức độ cơ bản, chính xác. Nắm vững kỹ- chiến thuật cơ bản tự vệ và vận dụng đúng đắn luật thi đấu Võ cổ truyền Việt nam trong tập luyện, thi đấu Quyền thuật và thi đấu Đối kháng nhằm phát triển thành tích chuyên môn và hoàn thiện thể chất.

Giáo dục, giáo dưỡng những phẩm chất đạo đức, nhân cách tốt, có ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần trách nhiệm, đoàn kết, tập thể, làm việc nhóm, lòng dũng cảm, yêu nước, tinh thần dân tộc

2.6.22. [1120187], [Giáo dục thể chất 1 - Võ Taekwondo 1], [1 tín chỉ]

Taekwondo là môn võ xuất phát từ Triều Tiên, là môn võ thuật bao gồm những kỹ thuật như: đấm (Jieugi), đá (Chagi), đỡ (Makki)...

Chương trình huấn luyện môn võ này nhấn mạnh vào tinh thần và thể chất, tuy nhiên điểm then chốt của môn Taekwondo là sự khai triển tính đạo đức. Học phần này bao gồm các nội dung chính sau đây:

- Lịch sử phát triển Taekwondo
- Phân tích các kỹ thuật Taekwondo
- Luật thi đấu Taekwondo
- Kỹ thuật tấn pháp, kỹ thuật phòng thủ, kỹ thuật tấn công
- Kỹ thuật đối luyện
- Kỹ thuật quyền

2.6.23. [1120188], [Giáo dục thể chất 1 - Võ Taekwondo 2], [1 tín chỉ]

Taekwondo là môn võ xuất phát từ Triều Tiên, là môn võ thuật bao gồm những kỹ thuật như: đấm (Jieugi), đá (Chagi), đỡ (Makki)...

Chương trình huấn luyện môn võ này nhấn mạnh vào tinh thần và thể chất, tuy nhiên điểm then chốt của môn Taekwondo là sự khai triển tính đạo đức. Học phần này bao gồm các nội dung chính sau đây:

- Lịch sử phát triển Taekwondo
- Phân tích các kỹ thuật Taekwondo
- Luật thi đấu Taekwondo
- Kỹ thuật tấn

2.6.24. [1120189], [Giáo dục thể chất 1 - Võ Taekwondo 3], [1 tín chỉ]

Taekwondo là môn võ xuất phát từ Triều Tiên, là môn võ thuật bao gồm những kỹ thuật như: đấm (Jieugi), đá (Chagi), đỡ (Makki)...

Chương trình huấn luyện môn võ này nhấn mạnh vào tinh thần và thể chất, tuy nhiên điểm then chốt của môn Taekwondo là sự khai triển tính đạo đức. Học phần này bao gồm các nội dung chính sau đây:

- Lịch sử phát triển Taekwondo
- Phân tích các kỹ thuật Taekwondo
- Luật thi đấu Taekwondo
- Kỹ thuật tấn pháp, kỹ thuật phòng thủ, kỹ thuật tấn công
- Kỹ thuật đối luyện
- Kỹ thuật quyền

2.6.25. [1120190], [Giáo dục thể chất 1 - Võ Karatedo 1], [1 tín chỉ]

Môn võ Karatedo là một trong những môn thể thao có vị trí quan trọng trong hệ thống giáo dục thể chất và huấn luyện thể thao, là một trong những môn học chính của sinh viên các trường Đại học. Tập luyện và thi đấu karate do sẽ giúp người tập pháp triển người tập

phát triển toàn diện về mọi mặt, tăng cường thể chất, phát triển toàn diện tố chất thể lực, ngoài ra còn được rèn luyện tu dưỡng về tinh thần, phẩm chất đạo đức và nhân cách con người.

2.6.26. [1120191], [Giáo dục thể chất 2 - Võ Karatedo 2], [1 tín chỉ]

Môn võ Karatedo là một trong những môn thể thao có vị trí quan trọng trong hệ thống giáo dục thể chất và huấn luyện thể thao, là một trong những môn học chính của sinh viên các trường Đại học. Tập luyện và thi đấu karate do sẽ giúp người tập phát triển người tập phát triển toàn diện về mọi mặt, tăng cường thể chất, phát triển toàn diện tố chất thể lực, ngoài ra còn được rèn luyện tu dưỡng về tinh thần, phẩm chất đạo đức và nhân cách con người.

2.6.27. [1120192], [Giáo dục thể chất 3 - Võ Karatedo 3], [1 tín chỉ]

Môn võ Karatedo là một trong những môn thể thao có vị trí quan trọng trong hệ thống giáo dục thể chất và huấn luyện thể thao, là một trong những môn học chính của sinh viên các trường Đại học. Tập luyện và thi đấu karate do sẽ giúp người tập phát triển người tập phát triển toàn diện về mọi mặt, tăng cường thể chất, phát triển toàn diện tố chất thể lực, ngoài ra còn được rèn luyện tu dưỡng về tinh thần, phẩm chất đạo đức và nhân cách con người.

2.6.28. [1120168], [Giáo dục quốc phòng-An ninh 1], [3 tín chỉ]

Học phần đề cập lý luận cơ bản của Đảng về đường lối quốc phòng và an ninh, bao gồm: những vấn đề cơ bản Học thuyết Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; các quan điểm của Đảng về chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang, xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, các quan điểm của Đảng về kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh. Học phần giành thời lượng nhất định giới thiệu một số nội dung cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam qua các thời kỳ.

2.6.29. [1120169], [Giáo dục quốc phòng-An ninh 2], [2 tín chỉ]

Học phần được lựa chọn những nội dung cơ bản nhiệm vụ công tác quốc phòng, an ninh của Đảng và Nhà nước trong tình hình mới, bao gồm: xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên, tăng cường tiềm lực cơ sở vật chất, kỹ thuật quốc phòng, phòng chống chiến tranh công nghệ cao, đánh bại chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam. Học phần đề cập một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; xây dựng, bảo vệ chủ quyền biên giới, chủ quyền biển đảo, an ninh quốc gia, những vấn đề cơ bản về đấu tranh phòng chống tội phạm và giữ gìn

trật tự, an toàn xã hội.

2.6.30. [1120170], [Giáo dục quốc phòng-An ninh 3], [2 tín chỉ]

Học phần gồm có lý thuyết kết hợp với thực hành nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về hiểu biết chung về các quân, binh chủng trong quân đội, Hiểu biết chung về bản đồ địa hình quân sự, hiểu được ý nghĩa điều lệnh đội ngũ và ý thức tổ chức kỷ luật góp phần nâng cao ý thức, tác phong học tập GDQP – AN và vận dụng tích cực trong sinh hoạt tập thể tại nhà trường. Biết cách phòng tránh địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao. Vận dụng 3 môn phối hợp một cách linh hoạt trong học tập và cuộc sống.

2.6.31. [1120171], [Giáo dục quốc phòng-An ninh 4], [2 tín chỉ]

Học phần gồm có lý thuyết kết hợp với thực hành nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về cách ngắm, bắn súng AK. Hiểu biết về một số loại lựu đạn, thực hành ném lựu đạn bài 1. Hiểu được vị trí của từng người trong chiến đấu tiến công, chiến đấu phòng ngự hoặc làm nhiệm vụ canh gác (cảnh giới).

2.6.32. [1090061], [Tiếng Anh 1], [3 tín chỉ]

Học phần kế thừa và phát triển một cách có hệ thống những kiến thức tiếng Anh người học đã học ở trường phổ thông, trên cơ sở xem tiếng Anh là công cụ giao tiếp thông dụng và là phương tiện nghiên cứu chuyên ngành để phát triển chuyên môn, *Tiếng Anh 1* nhằm vào các mục tiêu sau đây: Hệ thống lại và trang bị thêm cho người học những kiến thức cơ bản và thông dụng nhất về ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng văn bản và giao tiếp tiếng Anh. Học phần không đi sâu mô tả và phân tích các yếu tố ngôn ngữ và văn hóa mà chỉ xoáy sâu vào việc giúp người học hiểu và vận dụng được những yếu tố văn hóa, ngôn ngữ thông dụng nhất để phát triển kỹ năng giao tiếp tiếng Anh.

2.6.33. [1090166], [Tiếng Anh 2], [4 tín chỉ]

Học phần kế thừa và phát triển một cách có hệ thống những kiến thức tiếng Anh sinh viên đã học trong học phần Tiếng Anh 1, Tiếng Anh 2 nhằm vào các mục tiêu sau đây: Hệ thống lại và trang bị thêm cho sinh viên những kiến thức cơ bản và thông dụng nhất nhưng ở mức độ cao hơn Tiếng Anh 1 về ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng văn bản và giao tiếp tiếng Anh; Giúp sinh viên hiểu và vận dụng được những yếu tố văn hóa, ngôn ngữ thông dụng ở mức độ cao hơn Tiếng Anh 1 để phát triển kỹ năng giao tiếp tiếng Anh; Giúp sinh viên rèn luyện và phát triển ngữ năng giao tiếp, nhất là các kỹ năng đàm thoại trong các tình huống thông dụng và kỹ năng đọc - viết phức tạp hơn.

2.6.34. [1150422], [Khởi nghiệp], [2 tín chỉ]

Học phần trình bày những kiến thức cơ bản mang tính lý thuyết và thực hành, giúp sinh viên có những hiểu biết cơ bản và hình thành các kỹ năng trong hoạt động khởi nghiệp; đặc biệt, có thể áp dụng trong các hoạt động truyền thông.

2.6.35. [2030003], [Kỹ năng giao tiếp], [2 tín chỉ]

Kỹ năng giao tiếp là học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo trình độ đại học. Trên cơ sở xác định mục tiêu và chuẩn đầu ra, học phần được xây dựng nhằm trang bị những kiến thức chung về giao tiếp và rèn luyện những kỹ năng giao tiếp cơ bản cho sinh viên. Qua đó, giúp sinh viên vận dụng linh hoạt, hiệu quả các kỹ năng giao tiếp vào quá trình học tập và thực tiễn cuộc sống. Ngoài ra, học phần còn giúp sinh viên nâng cao ý thức, trách nhiệm trong quá trình giao tiếp, góp phần hình thành văn hóa giao tiếp của cá nhân và xã hội.

2.6.36. [1070052], [Lịch sử văn minh thế giới], [2 tín chỉ]

Môn học còn cung cấp các khái niệm cơ bản: Văn minh nông nghiệp, văn minh công nghiệp, văn minh hậu công nghiệp, nhà nước chuyên chế, nhà nước dân chủ chủ nô, nền dân chủ tư sản, triết lý phương Đông, nhân văn dân chủ phương Tây, giao thoa văn hóa, tiếp biến văn minh, xa lộ thông tin, toàn cầu hóa. Môn học cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về những nền văn minh cổ xưa rực rỡ của loài người như: Ai Cập, Lưỡng Hà, Ấn Độ, Trung Hoa, Hy Lạp- La Mã. Đồng thời còn giúp người học có những hiểu biết sâu sắc về văn minh phương Tây cận- hiện đại, những thành tựu vượt bậc của văn minh loài người trong thời kỳ hiện đại.

2.6.37. [1070023], [Đại cương văn hóa Việt Nam], [2 tín chỉ]

- Học phần nhằm cung cấp cho người học những khái niệm cơ bản liên quan đến bộ môn văn hóa học như các khái niệm văn hóa, bản sắc, văn minh, văn hiến, văn vật.

- Làm rõ tiến trình văn hóa Việt Nam, nội dung đặc điểm của từng thời kỳ phát triển văn hóa.

- Nêu bật các thành tố cơ bản của văn hóa Việt Nam thể hiện trong văn hóa tổ chức đời sống tập thể và đời sống cá nhân. Qua đó, giúp người học hiểu rõ hơn về bản sắc văn hóa dân tộc, hiểu rõ hơn về quá trình tương tác giữa con người với môi trường tự nhiên và xã hội thông qua văn hóa ứng xử.

2.6.38. [1060022], [Dẫn luận ngôn ngữ và tiếng Việt thực hành], [2 tín chỉ]

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức về bản chất, chức năng, nguồn gốc, sự phát triển của ngôn ngữ, và quy luật phát triển của ngôn ngữ; bản chất tín hiệu của ngôn ngữ. Học phần tiếp tục nâng cao hiểu biết có cơ sở khoa học về tiếng Việt: những tri thức về các quy tắc vận hành, quy luật hoạt động để thực hiện chức năng của tiếng Việt ở tất cả các cấp độ: chữ viết, từ, câu, đoạn văn, văn bản. Những tri thức này cần thiết cho việc sử dụng tiếng Việt trong hoạt động giao tiếp, nhất là hoạt động giao tiếp bằng văn bản.

2.6.39. [1130020], [Khoa học quản lý], [2 tín chỉ]

Môn học này nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ sở về khoa học quản lý. Nội dung môn học bao gồm: Quản lý tổ chức; Các lý thuyết quản lý; Vấn đề quyết định và

thông tin trong quản lý; Đặc biệt là các chức năng quan trọng của khoa học quản lý như: Lập kế hoạch, tổ chức, lãnh đạo và kiểm tra trong hoạt động quản lý. Những kiến thức trên được cập nhật và hiện đại hóa, được truyền đạt bằng phương pháp tiên tiến và ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy, nghiên cứu và học tập. Môn học được các trường đại học trên thế giới quan tâm đầu tư nghiên cứu và phát triển. Nó cũng được ứng dụng rộng rãi trong các lĩnh vực quản lý kinh tế - xã hội và mang lại hiệu quả quản lý cao.

2.6.40. [1100138], [Xã hội học], [2 tín chỉ]

Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản và cần thiết như khái niệm Xã hội học, Đối tượng, chức năng, lịch sử ra đời của xã hội học, một số các khái niệm cơ bản của xã hội học khái niệm cơ cấu xã hội, các khái niệm có liên quan, các phân hệ cơ bản của cơ cấu xã hội, Xã hội học đô thị Một số phương pháp điều tra xã hội học... Thông qua học phần này, người học có được một cách nhìn thấu đáo về các vấn đề của xã hội. Qua đó, người học được nâng cao kiến thức vừa có các kỹ năng điều tra xã hội học, hiểu được các thức giải quyết các vấn đề xã hội.

2.6.41. [1130033], [Lôgic học], [2 tín chỉ]

- Những vấn đề của lôgic học truyền thống; lịch sử lôgic học;
- Những quy luật cơ bản và các hình thức của tư duy lôgic; Những nhiệm vụ, những nguyên tắc và những quy tắc cơ bản trong quá trình hình thành và phát triển, hoàn thiện hóa tri thức chân thực trong quá trình hoạt động thu nhận chân lý;
- Những phương thức hoạt động logic cơ bản trong “Chứng minh” và “ Bác bỏ” giả thuyết.

2.6.42. [1100020], [Tâm lý học đại cương], [2 tín chỉ]

Học phần Tâm lý học đại cương giúp sinh viên trang bị kiến thức chung về khoa học tâm lý. Cung cấp cho sinh viên những khái niệm, các đặc điểm, quy luật nảy sinh, hình thành và phát triển tâm lý người; các nguyên tắc và phương pháp nghiên cứu tâm lý con người; các đặc điểm về hoạt động – giao tiếp; hoạt động nhận thức; các đặc điểm về sự hình thành và phát triển nhân cách con người. Trên cơ sở đó giúp sinh viên có thể vận dụng kiến thức đã học để giải quyết những vấn đề của cuộc sống thực tiễn và công việc trong tương lai.

2.6.43. [1130039], [Lý luận chung về Nhà nước và Pháp luật], [2 tín chỉ]

Học phần trang bị cho sinh viên những cơ sở lý luận nền tảng về nhà nước và pháp luật theo quan điểm của chủ nghĩa Mac – Lênin, lý giải các vấn đề lý luận chung nhất về nhà nước và pháp luật như: Nguồn gốc, bản chất, các kiểu, chức năng của nhà nước và pháp luật; các nguyên tắc tổ chức bộ máy nhà nước, hình thức tổ chức và thực hiện quyền lực nhà nước; các yếu tố của cơ chế điều chỉnh pháp luật.

2.6.44. [1130002], [Chính trị học], [2 tín chỉ]

Học phần bao gồm 8 chương, cung cấp những vấn đề lý luận và thực tiễn cơ bản của

chính trị học: quyền lực và quyền lực chính trị; hệ thống chính trị và đổi mới hệ thống chính trị Việt Nam hiện nay; đảng chính trị, nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội; văn hóa chính trị; con người chính trị;...

2.6.45. [1130021], [Kinh tế học], [2 tín chỉ]

Học phần nhằm trang bị cho sinh viên những nội dung cơ bản của kinh tế học vĩ mô như: lý thuyết lựa chọn kinh tế tối ưu, cung - cầu về hàng hóa và dịch vụ, lý thuyết về hành vi người tiêu dùng và hành vi của doanh nghiệp; vai trò của Chính phủ trong điều tiết kinh tế; và những nội dung cơ bản của kinh tế học vĩ mô như: Tổng cung và tổng cầu của nền kinh tế và mục tiêu, chính sách kinh tế vĩ mô; đo lường sản lượng quốc gia (GDP); các phạm trù thất nghiệp, lạm phát và mối quan hệ của chúng;...

2.6.46. [1050241], [Tin học cơ sở], [3 tín chỉ]

Học phần cung cấp cho người học những hiểu biết cơ bản về tin học và các ứng dụng tin học văn phòng. Phần *những hiểu biết cơ bản về tin học* trình bày các kiến thức như thông tin và biểu diễn thông tin trong máy tính; Hệ thống máy tính với phần cứng và phần mềm; Các khái niệm về hệ điều hành; Sử dụng hệ điều hành Windows; Sử dụng tiếng Việt trong Windows; Sử dụng Internet và E-mail nhằm giúp người học tìm kiếm và trao đổi thông tin trên Internet; Và cuối cùng là bảo vệ thông tin và phòng chống virus máy tính. Phần *các ứng dụng tin học văn phòng* trình bày cách sử dụng ba phần mềm thông dụng của Microsoft là MS Word, MS Excel và MS Powerpoint.

2.6.47. [1130018], [Hiến pháp và các Luật tổ chức bộ máy nhà nước], [2 tín chỉ]

- Tín chỉ 1: Những nội dung cơ bản của Hiến pháp về tổ chức nhà nước

Trong tín chỉ này sinh viên sẽ nghiên cứu những vấn đề: khái niệm về hiến pháp, lịch sử lập hiến Việt Nam và những nội dung cơ bản của Hiến pháp; Tổ chức nhà nước qua các Hiến pháp; Các nguyên tắc cơ bản và hệ thống nhà nước qua Hiến pháp 1992.

- Tín chỉ 2: Các Luật tổ chức các cơ quan nhà nước

Trong phần này sinh viên tìm hiểu các quy định của pháp luật hiện hành về các cơ quan trong bộ máy nhà nước, bao gồm Quốc hội, Chính phủ, Chủ tịch nước, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân.

2.6.48. [1130171], [Luật Hành chính và Tổ tụng hành chính], [2 tín chỉ]

Nội dung môn học bao gồm những kiến thức cơ bản về:

- Các quy phạm hành chính quy định chế độ pháp lý của các cơ quan hành chính nhà nước; địa vị pháp lý của tổ chức xã hội, của công dân, người nước ngoài; quy định về thủ tục hành chính, hình thức và phương pháp quản lý hành chính nhà nước; hoạt động kiểm soát hành chính nhà nước và các vấn đề khác có liên quan đến quản lý hành chính nhà nước để khi trở thành những công chức có thể hoàn thành tốt nhiệm vụ công tác.

- Trang bị cho người học những quy định về quyền và nghĩa vụ của các chủ thể khác trong hoạt động quản lý hành chính nhà nước, những biện pháp bảo đảm thực hiện các

quyền và nghĩa vụ đó, tạo điều kiện cho các chủ thể tham gia một cách tích cực vào hoạt động quản lý hành chính nhà nước.

- Luật hành chính cũng quy định những hành vi nào là vi phạm hành chính, biện pháp xử lý, thủ tục xử lý những tổ chức và cá nhân vi phạm hành chính từ đó giúp họ có ý thức tôn trọng và thực hiện tốt những quy định luật hành chính với tư cách là một công dân hoặc công chức.

2.6.49. [1130050], [Pháp luật dân sự - Tố tụng dân sự], [2 tín chỉ]

Nội dung môn học bao gồm những kiến thức cơ bản về:

- Luật dân sự là ngành luật độc lập trong hệ thống pháp luật Việt Nam, bao gồm các quy phạm pháp luật do Nhà nước Việt Nam ban hành và đảm bảo thực hiện, nhằm điều chỉnh quan hệ tài sản và quan hệ nhân thân phát sinh giữa các cá nhân tổ chức trong đời sống dân sự.

- Luật tố tụng dân sự quy định về nguyên tắc, trình tự thủ tục khởi kiện, trình tự thủ tục để tòa án giải quyết các tranh chấp dân sự và các yêu cầu dân sự nhằm bảo vệ quyền dân sự cho các cá nhân tổ chức trong đời sống dân sự.

2.6.50. [1130053], [Pháp luật Hình sự và Tố tụng hình sự], [2 tín chỉ]

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về pháp luật Hình sự và Tố tụng hình sự. Cụ thể:

- Về pháp luật hình sự: các kiến thức của học phần bao gồm hệ thống các khái niệm, đặc điểm, các nguyên tắc cơ bản và các chế định khác liên quan đến đạo luật hình sự, tội phạm và hình phạt như: nguồn của luật Hình sự Việt Nam, Bộ luật Hình sự hiện hành; Tội phạm, cấu thành tội phạm, các giai đoạn thực hiện tội phạm, đồng phạm, những trường hợp loại trừ trách nhiệm hình sự, hình phạt, quyết định hình phạt, trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân thương mại và người dưới 18 tuổi phạm tội.

- Về pháp luật Tố tụng hình sự: các kiến thức của học phần bao gồm hệ thống các khái niệm, đặc điểm, các nguyên tắc cơ bản của ngành luật tố tụng hình sự, các chủ thể của tố tụng hình sự và các giai đoạn tố tụng hình sự.

2.6.51. [1130333], [Xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam], [2 tín chỉ]

Nhà nước pháp quyền và xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam là học phần nghiên cứu lý luận và thực tiễn cơ bản về mô hình nhà nước pháp quyền trong lịch sử tư tưởng nhân loại và ở Việt Nam trong thời kỳ đổi mới từ năm 1986 đến nay. Học phần tập trung vào quá trình nhận thức và phát triển tư duy lý luận cũng như thực tiễn xây dựng và từng bước hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN của Đảng, Nhà nước và Nhân dân ta. Trên cơ sở nghiên cứu, vận dụng lý thuyết, tổng kết thực tiễn, học phần xác định những vấn đề đặt ra, quan điểm, phương hướng và hệ thống các nhóm giải pháp nhằm tiếp tục tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam trong thời gian tới.

2.6.52. [1130303], [Lý luận hành chính nhà nước], [2 tín chỉ]

Nội dung học phần bao gồm những kiến thức cơ bản sau:

- Giới thiệu một số vấn đề lý luận chung về quản lý hành chính nhà nước ;
- Trình bày các lý thuyết và mô hình hành chính nhà nước của các học giả ở một số nước điển hình trên giới.
- Nêu và phân tích các yếu tố cấu thành của nền hành chính nhà nước;
- Chức năng, hình thức và phương pháp hành chính nhà nước;
- Quyết định quản lý hành chính nhà nước;
- Các hình thức kiểm soát đối với nền hành chính nhà nước.

2.6.53. [1130017], [Hành chính học so sánh], [2 tín chỉ]

Là một bộ phận của Hành chính học, Hành chính so sánh nghiên cứu các đặc điểm, môi trường phát triển và những bộ phận cấu thành của các nền hành chính khác nhau, nhằm tìm kiếm các quy luật vận động chung cũng như các điểm khác biệt giữa chúng. Kết quả nghiên cứu Hành chính so sánh tạo ra cơ hội đưa ra những khái quát chung về lý thuyết của khoa học quản lý nhà nước, đồng thời, cho phép rút ra các bài học kinh nghiệm có thể vận dụng vào thực tiễn hoạt động và xây dựng nền hành chính nhà nước của mỗi quốc gia. Từ đó, chúng ta có thể so sánh để phân tích, đánh giá, đúc rút được các yếu tố tiến bộ cần vận dụng vào thực tiễn, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động quản lý hành chính nhà nước của Việt Nam.

2.6.54. [1130184], [Đạo đức công vụ], [2 tín chỉ]

Cung cấp những vấn đề lý luận chung về đạo đức, đạo đức nghề nghiệp, công chức và thực thi công việc của nhà nước. Trên cơ sở đó học phần Đạo đức công vụ kết cấu thành 4 chương trong đó chương 1: Lý luận chung về đạo đức; chương 2: Đạo đức nghề nghiệp; Chương 3: Công chức và thực thi công việc của nhà nước; Chương 4 đạo đức thực thi công vụ của công chức.

2.6.55. [1130185], [Nhân sự hành chính nhà nước], [2 tín chỉ]

Nhân sự hành chính nhà nước mà cụ thể là đội ngũ cán bộ, công chức là nhân tố đóng vai trò quyết định chất lượng của hoạt động quản lý hành chính nhà nước. Do đó, quản lý nhân sự này sao cho hiệu quả là việc hết sức quan trọng. Môn học này mang lại cái nhìn tổng thể về người lao động làm việc cho cơ quan hành chính nhà nước, những yếu tố môi trường ảnh hưởng, quy trình hợp lý cũng như các chức năng cụ thể của quản lý nhân sự hành chính nhà nước. Từ đó, chúng ta có nhận thức đúng đắn về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của đội ngũ nhân sự này và có ý thức ủng hộ quá trình cải cách hành chính để xây dựng thành công đội ngũ cán bộ, công chức vừa hồng vừa chuyên để phục vụ nhân dân, nâng cao hiệu lực, hiệu quả của hoạt động quản lý hành chính nhà nước

2.6.56. [1130189], [Văn hóa giao tiếp hành chính], [2 tín chỉ]

Văn hoá giao tiếp hành chính là học phần cung cấp cho người học các kiến thức, cơ bản về giao tiếp hành chính, từ đó góp phần hình thành và phát triển văn hoá hành chính

trong cơ quan hành chính nhà nước. Học phần còn rèn luyện cho người học những kỹ năng giao tiếp, từ đó đưa ra các giải pháp phát triển văn hoá công sở; nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của nền hành chính nhà nước.

2.6.57. [1130190], [Phương pháp nghiên cứu khoa học hành chính], [2 tín chỉ]

Phương pháp nghiên cứu khoa học hành chính là học phần cung cấp cho người học những kiến thức, kỹ năng nhằm nghiên cứu khoa học hành chính và ứng dụng khoa học hành chính vào thực tiễn như: Lý thuyết khoa học hành chính; Lựa chọn và đặt tên đề tài khoa học hành chính; Xây dựng luận điểm khoa học hành chính; Chứng minh luận điểm khoa học hành chính; Cách thực hiện luận văn khoa học hành chính.

2.6.58. [1130204], [Cải cách hành chính - lý luận và thực tiễn], [2 tín chỉ]

Cải cách hành chính là học phần cung cấp cho người học những vấn đề tổng quan về cải cách hành chính nhà nước. Ngoài ra, học phần còn cung cấp các nội dung, nhiệm vụ chủ yếu của chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước trong từng giai đoạn cụ thể; trang bị cho người học các kỹ năng, nghiệp vụ về cải cách hành chính như: Theo dõi, đánh giá thực hiện cải cách hành chính; Xây dựng báo cáo cải cách hành chính; Thông tin, tuyên truyền cải cách hành chính; Khảo sát, đánh giá mức độ hài lòng của tổ chức, cá nhân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước...

2.6.59. [1130308], [Quản lý và Phát triển tổ chức hành chính nhà nước], [2 tín chỉ]

Học phần nhằm cung cấp các kiến thức cơ bản về: tổ chức, tổ chức hành chính nhà nước và các nguyên tắc của tổ chức hành chính nhà nước; trang bị cho người học những hiểu biết cơ bản về tổ chức hành chính nhà nước ở cấp trung ương và địa phương; những kiến thức cơ bản về thiết kế tổ chức các cơ quan hành chính nhà nước và vấn đề phát triển tổ chức hành chính nhà nước; tổ chức quản lý và phát triển tổ chức hành chính nhà nước nhằm xây dựng nền hành chính nhà nước hiện đại.

2.6.60. [1130304], [Quản lý nhà nước của cơ quan quyền lực và cơ quan tư pháp], [2 tín chỉ]

Học phần Quản lý nhà nước của cơ quan quyền lực và cơ quan tư pháp là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức ngành trong chương trình đào tạo ngành Quản lý nhà nước. Học phần gồm 4 chương, cung cấp cho sinh viên kiến thức chung về hoạt động quản lý nhà nước của các cơ quan quyền lực và hoạt động quản lý nhà nước của các cơ quan tư pháp ở Việt Nam. Những kiến thức được cung cấp trong học phần sẽ giúp sinh viên có thêm hiểu biết tổng quan về hoạt động quản lý của hệ thống các cơ quan trong bộ máy nhà nước, từ đó sinh viên có cơ sở để nghiên cứu sâu hơn các môn học chuyên ngành khác.

2.6.61. [1130026], [Lịch sử hành chính nhà nước Việt Nam], [2 tín chỉ]

Cung cấp những kiến thức cơ bản, khoa học về: Hành chính Việt Nam từ thời đại dựng nước của các Vua Hùng đến thế kỷ X; Hành chính nhà nước thời kỳ xây dựng và phát triển quốc gia phong kiến; Hành chính nhà nước từ Cách mạng tháng Tám đến nay.

2.6.62. [1130305], [Công vụ công chức], [2 tín chỉ]

Công vụ, công chức là những nội dung then chốt của nền hành chính nhà nước. Thực hiện cải cách chế độ công vụ, công chức là một quá trình tất yếu, thể hiện nhu cầu nội tại của nền công vụ trong quá trình thực hiện mục tiêu phục vụ nhân dân ngày một tốt hơn. Hiện nay, việc cải cách chế độ công vụ, công chức đã trở thành xu hướng ở hầu hết các nước trên thế giới, trong đó có Việt Nam. Học phần “Công vụ, công chức” sẽ cung cấp những hiểu biết cơ bản nhất về mô hình tổ chức, cách thức vận hành cũng như phương hướng hoàn thiện nền công vụ Việt Nam và một số quốc gia trên thế giới trong thực tiễn quản lý nhà nước.

2.6.63. [1130306], [Chính phủ điện tử], [2 tín chỉ]

Đây là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành. Mục đích của học phần giúp cho học sinh hiểu xây dựng CPĐT ở Việt Nam là một yêu cầu cấp thiết, nó là một phần quan trọng trong tiến trình cải cách nền hành chính quốc gia. Mục tiêu chung là tăng cường năng lực, nâng cao hiệu quả điều hành nhà nước của chính phủ, mang lại thuận lợi cho dân chúng, tăng cường sự công khai minh bạch (transparency), giảm chi tiêu chính phủ. Học phần có kết cấu 5 chương. Chương 1 đi sâu vào nghiên cứu tổng quan về chính phủ điện tử; chương 2: Những nội dung chính của chính phủ điện tử; Chương 3: Kinh nghiệm một số quốc gia trên thế giới về xây dựng chính phủ điện tử; Chương 4: Quá trình nhận thức và thực trạng xây dựng chính phủ điện tử ở Việt Nam; Chương 5: Quan điểm và giải pháp xây dựng chính phủ điện tử ở Việt Nam.

2.6.64. [1130307], [Pháp luật trong hành chính nhà nước], [2 tín chỉ]

Đây là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành. Mục đích của học phần giúp cho học sinh hiểu pháp luật trong hành chính nhà nước hiện nay. Học phần kết cấu thành 4 chương. Chương 1: Tổng quan về pháp luật trong hành chính nhà nước; chương 2: Điều chỉnh pháp luật trong hành chính nhà nước; chương 3: Tổ chức thi hành pháp luật trong hành chính nhà nước; chương 4: Hoàn thiện pháp luật hành chính trong thời kỳ hội nhập và toàn cầu hóa.

2.6.65. [1130191], [Quản lý nhà nước về văn hóa, xã hội], [2 tín chỉ]

Quản lý nhà nước về văn hóa, xã hội là một hoạt động có tính tất yếu, xuất phát từ vai trò của nó đối với sự phát triển và bồi đắp, thực trạng quản lý văn hóa, xã hội của nhà nước là một sự nghiệp lớn lao, phức tạp với nhiều biến động khi xã hội là một trong ba trụ cột chính của sự phát triển bền vững bên cạnh vấn đề kinh tế và môi trường. Trong thế giới hiện đại ngày nay, phát triển không chỉ là tăng trưởng kinh tế mà còn là xây dựng xã hội theo hướng công bằng, tiến bộ với trung tâm là phát triển con người, tiến tới chân, thiện, mỹ. Từ những kiến thức tổng thể về văn hóa, xã hội, các học thuyết quản lý văn hóa, xã hội trong lịch sử, những kiến thức quản lý nhà nước về văn hóa và các lĩnh vực xã hội quan trọng khác như giáo dục, y tế, an ninh quốc phòng, lao động, việc làm, khoa học, công nghệ, tài nguyên và

môi trường ... chúng ta có thể đúc rút được các yếu tố tiến bộ cần vận dụng, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động quản lý hành chính nhà nước và xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa.

2.6.66. [1130192], [Quản lý nhà nước về kinh tế], [2 tín chỉ]

Học phần quản lý nhà nước về kinh tế là một học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo của ngành QLNN. Học phần nhằm giúp người học hiểu quản lý nhà nước trên các lĩnh vực kinh tế của đất nước hiện nay. Học phần kết cấu thành 4 chương, trong đó chương thứ nhất đi vào những lí luận chung quản lý nhà nước về kinh tế. Ba chương còn lại đi sâu vào phân tích quản lý nhà nước trên các lĩnh vực kinh tế cụ thể.

2.6.67.[1130193], [Quản lý nhà nước về tài chính công và công sản], [2 tín chỉ]

Học phần Quản lý nhà nước về tài chính công và công sản là một học phần bắt buộc của chuyên ngành QLNN. Học phần kết cấu thành 5 chương với các nội dung cơ bản: những lí luận cơ bản về tài chính công và quản lý nhà nước về tài chính công; những vấn đề chung về ngân sách nhà nước và quản lý nhà nước về ngân sách nhà nước; quản lý nhà nước về tín dụng nhà nước; quản lý nhà nước về các quỹ tài chính công ngoài ngân sách nhà nước; quản lý nhà nước về tài sản công.

2.6.68. [1130194], [Quản lý nhà nước về nguồn nhân lực xã hội], [2 tín chỉ]

Nguồn nhân lực xã hội là yếu tố nguồn lực có vai trò quyết định đối với sự phát triển của bất kỳ quốc gia nào. Để duy trì, phân bổ và phát triển nguồn nhân lực xã hội sao cho phù hợp với từng giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội đòi hỏi mỗi nhà nước phải đề ra đường lối, chủ trương và hoạch định những chính sách phù hợp, toàn diện trên nhiều lĩnh vực có liên quan mật thiết đến nguồn nhân lực như dân số, giáo dục, y tế, lao động, việc làm, tiền lương, an sinh xã hội. Những kiến thức phổ quát nhất về nguồn nhân lực xã hội, đặc điểm, vai trò quan trọng và yêu cầu đặt ra đối với nguồn nhân lực xã hội trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; chủ trương, chế độ, chính sách quản lý nhà nước ... để xây dựng, phát triển nguồn nhân lực xã hội của đất nước được cung cấp đầy đủ trong môn học này.

2.6.69. [1130074], [Quản lý nhà nước về đô thị], [2 tín chỉ]

Học phần tập trung nghiên cứu các vấn đề chung về đô thị: trong đó giải thích các thuật ngữ, khái niệm, vai trò quan trọng của đô thị đối với sự phát triển kinh tế - xã hội; trên cơ sở những vấn đề chung học phần đi sâu tìm hiểu thực trạng phát triển, quản lý đô thị nước ta hiện nay, phân tích các quan điểm chung về phát triển đô thị của Đảng và nhà nước ta, nghiên cứu sơ lược những chiến lược, kế hoạch phát triển cụ thể. Đồng thời, nội dung quản lý nhà nước về đô thị là kiến thức chủ yếu, trọng tâm với từng nội dung quản lý, phương thức quản lý cụ thể.

2.6.70. [1130066], [Quản lý nhà nước về nông nghiệp và nông thôn], [2 tín chỉ]

Quản lý nhà nước về nông nghiệp và nông thôn là học phần có mục đích trang bị cho sinh viên ngành QLNN những kiến thức cơ bản nhất về nông nghiệp nông thôn Việt Nam và một số lĩnh vực chủ yếu của quản lý nhà nước đối với nông nghiệp, nông thôn ở nước ta hiện nay. Học phần có 5 chương, trong đó chương 1 và chương 2 nghiên cứu khái quát chung về nông nghiệp và phát triển nông thôn, định hướng phát triển nông nghiệp, nông thôn Việt Nam; chương 3, 4 và chương 5 nghiên cứu một số lĩnh vực chủ yếu của quản lý nhà nước đối với nông nghiệp, nông thôn.

2.6.71. [1130197], [Quản lý nhà nước về Giáo dục – Đào tạo, Khoa học – Công nghệ], [2 tín chỉ]

Học phần tập trung nghiên cứu các vấn đề chung về GD-ĐT, KH-CN: trong đó giải thích các thuật ngữ, khái niệm, vai trò quan trọng của từng lĩnh vực đối với sự phát triển kinh tế - xã hội; trên cơ sở những vấn đề chung học phần đi sâu tìm hiểu thực trạng phát triển, quản lý GD-ĐT, KH-CN nước ta hiện nay, phân tích các quan điểm chung về phát triển GD-ĐT, KH-CN của Đảng và nhà nước ta, nghiên cứu sơ lược những chiến lược, kế hoạch phát triển cụ thể. Đồng thời, nội dung quản lý nhà nước về GD-ĐT, KH-CN là kiến thức chủ yếu, trọng tâm với từng nội dung quản lý, phương thức quản lý cụ thể

2.6.72. [1130198], [Quản lý nhà nước về đất đai, tài nguyên, môi trường], [2 tín chỉ]

Học phần tập trung nghiên cứu các vấn đề chung về đất đai, tài nguyên – môi trường: trong đó giải thích các thuật ngữ, khái niệm, vai trò quan trọng của từng lĩnh vực đối với sự phát triển kinh tế - xã hội; trên cơ sở những vấn đề chung học phần đi sâu tìm hiểu thực trạng phát triển, quản lý đất đai, tài nguyên – môi trường nước ta hiện nay, phân tích các quan điểm chung về phát triển đất đai, tài nguyên – môi trường của Đảng và Nhà nước ta, nghiên cứu sơ lược những chiến lược, kế hoạch phát triển cụ thể. Đồng thời, nội dung quản lý nhà nước về đất đai, tài nguyên – môi trường là kiến thức chủ yếu, trọng tâm với từng nội dung quản lý, phương thức quản lý cụ thể.

2.6.73. [1130073], [Quản lý nhà nước về an ninh, quốc phòng], [2 tín chỉ]

Quản lý nhà nước về an ninh, quốc phòng là học phần bắt buộc đối với hệ cử nhân quản lý nhà nước, học phần gồm 04 chương, cung cấp cho người học những vấn đề cơ bản về an ninh quốc phòng; quan điểm và đường lối của Đảng và Nhà nước về an ninh, quốc phòng; các nội dung quản lý nhà nước về an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội và các nội dung quản lý nhà nước về quốc phòng.

2.6.74. [1130064], [Quản lý nhà nước về dân tộc - tôn giáo], [2 tín chỉ]

Quản lý nhà nước về dân tộc, tôn giáo là học phần bắt buộc đối với chương trình đào tạo ngành quản lý nhà nước, học phần gồm 04 chương, cung cấp cho người học những vấn đề cơ bản về dân tộc, tôn giáo; quan điểm và đường lối của Đảng và Nhà nước về dân tộc, tôn giáo; các nội dung quản lý nhà nước về dân tộc và các nội dung quản lý nhà nước về tôn giáo.

2.6.75. [1130081], [Quản lý nhà nước về đối ngoại], [2 tín chỉ]

Quản lý nhà nước về đối ngoại là học phần quan trọng trong hệ thống các môn học về quản lý nhà nước đối với ngành, lĩnh vực cụ thể. Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản và có hệ thống về quản lý nhà nước trong lĩnh vực đối ngoại và những vấn đề có liên quan đến hoạt động đối ngoại hiện nay. Trên cơ sở những kiến thức được trang bị, sinh viên có thể vận dụng vào thực tế để phân tích, đánh giá và thực hiện vai trò quản lý trong lĩnh vực đối ngoại, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về đối ngoại.

2.5.76. [1130239], [Thông tin trong Quản lý nhà nước], [2 tín chỉ]

Học phần gồm 04 chương, nội dung khái quát những vấn đề cơ bản nhất về lý luận và thực tiễn về thông tin trong quản lý nhà nước. Bao gồm: lý luận cơ bản về thông tin trong hoạt động quản lý nhà nước; lý luận cơ bản về hệ thống thông tin trong quản lý nhà nước; quy trình tìm kiếm, khai thác, xử lý thông tin và ứng dụng tin học trong hoạt động quản lý nhà nước; một số phần mềm và công cụ tiện ích phục vụ cho hoạt động quản lý nhà nước.

2.6.77. [1130309], [Quản lý công], [2 tín chỉ]

Quản lý công là học phần tự chọn trong khối kiến thức ngành, chuyên ngành trong chương trình đào tạo cử nhân ngành Quản lý nhà nước. Nội dung của môn học được kết cấu thành 7 chương. Trong đó Chương 1 khái quát những vấn đề cơ bản về quản lý công; Chương 2 đề cập đến môi trường quản lý công và ảnh hưởng của môi trường chính trị trong nước và quốc tế đối với hoạt động quản lý khu vực công ở Việt Nam hiện nay; Chương 3 đề cập đến nhà quản lý công; chương 4 đề cập đến những chức năng chủ yếu trong quản lý khu vực công; Chương 5 đề cập đến môi trường và tạo môi trường làm việc trong khu vực công; Chương 6 đề cập đến một số kỹ năng của nhà quản lý công; Chương 7 đề cập đến cải cách theo mô hình quản lý công mới.

2.6.78. [1130310], [Quản lý dự án], [2 tín chỉ]

Học phần Quản lý dự án là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo ngành Quản lý nhà nước. Học phần gồm 4 chương, cung cấp kiến thức tổng quan về quản lý dự án, cách thức xây dựng dự án, quản lý thực hiện dự án, giám sát và đánh giá dự án. Những kiến thức được cung cấp trong học phần sẽ giúp sinh viên có thêm hiểu biết để nghiên cứu các môn học chuyên ngành có liên quan.

2.6.79. [1130311], [Quản lý nhà nước về dân số và phát triển], [2 tín chỉ]

Quản lý nhà nước về dân số và phát triển là học phần tự chọn đối với hệ cử nhân quản lý nhà nước. Học phần gồm có 07 chương, cung cấp cho người học những kiến thức như: tổng quan về dân số, quản lý nhà nước về dân số và vai trò của dân số đối với sự phát triển; các vấn đề quản lý nhà nước về dân số và phát triển cho người học như: bộ máy quản lý, công cụ và phương pháp quản lý, đội ngũ cán bộ, công chức, thông tin và quyết định quản lý; việc thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động quản lý nhà nước về dân số và phát triển. Những kiến thức được cung cấp trong học phần sẽ giúp người học hiểu và lý giải

những vấn đề cụ thể trong thực tiễn hoạt động quản lý nhà nước về dân số gắn với phát triển và nghiên cứu các môn học chuyên ngành khác.

2.6.80. [1130312], [Quản lý thương mại], [2 tín chỉ]

Đây là học phần tự chọn thuộc kiến thức chuyên ngành. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản lý của nhà nước đối với các loại hình và hoạt động thương mại. Cung cấp những kiến thức nền và chuyên sâu thuộc nội dung, phương pháp và công cụ, hệ thống tổ chức bộ máy quản lý nhà nước đối với thương mại. Quan điểm, phương hướng đổi mới công tác quản lý nhà nước đối với thương mại Việt Nam trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế.

2.6.81. [1130334], [Rèn luyện nghiệp vụ hành chính], [2 tín chỉ]

Nhằm mục đích đổi mới và nâng cao chất lượng đào tạo để thực hiện mục tiêu gắn đào tạo với nhu cầu thực tiễn, chương trình đào tạo ngành QLNN đưa vào giảng dạy học phần Rèn luyện nghiệp vụ hành chính nhằm giúp sinh viên rèn luyện các kỹ năng hành chính. Đây là những kỹ năng rất cần thiết của cán bộ, công chức của nhà nước.

Rèn luyện nghiệp vụ hành chính là một hình thức thực hành có nhiều ưu thế bởi thời gian dài, không gian rộng, phạm vi rèn luyện đa dạng, phong phú. Đây là môi trường thuận lợi để sinh viên thực hành. Giáo viên căn cứ vào chuẩn đào tạo và thực tế trình độ năng lực nghiệp vụ của sinh viên để đưa ra những nội dung, phương pháp thực hành thiết thực có hiệu quả đáp ứng được yêu cầu, đòi hỏi của cán bộ, công chức. Bản thân mỗi sinh viên cũng phải tự xem xét “vốn liếng” hành nghề của mình đến đâu để có sự chủ động trong việc tự rèn luyện. Thực hành này đòi hỏi phát huy cao độ tính chủ động, sáng tạo, tự giác, tích cực của sinh viên.

2.6.82. [1130048], [Hoạch định và phân tích chính sách công], [2 tín chỉ]

Hoạch định và phân tích chính sách công là học phần bắt buộc có mục đích trang bị cho sinh viên ngành QLNN những kiến thức cơ bản về chính sách công; cách thức hoạch định và phân tích chính sách công như căn cứ, yếu tố ảnh hưởng, nội dung, phương pháp, thiết lập các tiêu chí và tổ chức công tác... Học phần kết cấu thành 6 chương.

2.6.83. [1130205], [Hoạch định chiến lược phát triển kinh tế - xã hội], [2 tín chỉ]

Học phần bao gồm bốn chương đi sâu vào nghiên cứu những nội dung như: Tăng trưởng và phát triển kinh tế xã hội; Phân tích và dự báo; Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế xã hội; Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020.

2.6.84. [1130206], [Thanh tra và giải quyết khiếu nại, tố cáo], [2 tín chỉ]

Thanh tra và giải quyết khiếu nại, tố cáo là học phần cung cấp cho người học những vấn đề cơ bản về kiểm soát hành chính nói chung, thanh tra hành chính nói riêng. Dựa trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa Mác – Lênin và các phương pháp nghiên cứu cụ thể như phân tích, tổng hợp... Học phần còn giúp người học nắm các quy trình thực hiện giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân.

2.6.85. [1130319], [Kỹ năng giao tiếp hành chính], [2 tín chỉ]

Học phần Kỹ năng giao tiếp hành chính là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức bổ trợ về đào tạo, rèn luyện nghiệp vụ, kỹ năng nghề nghiệp trong chương trình đào tạo ngành Quản lý nhà nước. Học phần gồm 4 chương, cung cấp kiến thức cơ bản về giao tiếp hành chính và rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng giao tiếp hành chính như kỹ năng giao tiếp bằng văn bản, các kỹ năng giao tiếp thông qua tiếp xúc trực tiếp, kỹ năng giao tiếp thông qua các phương tiện truyền thông hiện đại. Những kiến thức được cung cấp trong học phần sẽ giúp sinh viên có thêm hiểu biết, năng lực thực hành và giải quyết các tình huống giao tiếp trong thực tiễn hoạt động quản lý nhà nước

2.6.86. [1130320], [Kỹ năng làm việc nhóm], [2 tín chỉ]

Học phần Kỹ năng làm việc nhóm là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức bổ trợ về đào tạo, rèn luyện nghiệp vụ, kỹ năng nghề nghiệp trong chương trình đào tạo ngành Quản lý nhà nước. Học phần gồm 5 chương, cung cấp cho sinh viên kiến thức chung về nhóm và làm việc nhóm, các kỹ năng làm việc nhóm cụ thể như kỹ năng thành lập và phát triển nhóm; kỹ năng giải quyết mâu thuẫn và xây dựng sự đồng thuận trong nhóm; kỹ năng điều hành nhóm và kỹ năng làm việc trong nhóm. Những kiến thức được cung cấp trong học phần sẽ giúp sinh viên có thêm hiểu biết, năng lực thực hành, vận dụng các kiến thức đã học vào thực tiễn hoạt động quản lý trong các cơ quan nhà nước

2.6.87. [1130313], [Nghiệp vụ công tác văn thư], [2 tín chỉ]

Học phần Nghiệp vụ công tác văn thư là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức bổ trợ về đào tạo, rèn luyện nghiệp vụ, kỹ năng nghề nghiệp trong chương trình đào tạo ngành Quản lý nhà nước. Học phần gồm 5 chương, cung cấp cho sinh viên kiến thức chung về công tác văn thư và các nghiệp vụ cụ thể trong công tác văn thư như soạn thảo, ký ban hành văn bản; quản lý văn bản; lập hồ sơ và nộp lưu hồ sơ, tài liệu vào lưu trữ cơ quan; quản lý và sử dụng con dấu. Những kiến thức được cung cấp trong học phần sẽ giúp sinh viên có thêm hiểu biết, năng lực thực hành các nghiệp vụ của công tác văn thư trong thực tiễn hoạt động quản lý hành chính nhà nước.

2.6.88. [1130314], [Kỹ năng quản trị công sở], [2 tín chỉ]

Học phần Kỹ năng quản trị công sở là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức bổ trợ về đào tạo, rèn luyện nghiệp vụ, kỹ năng nghề nghiệp trong chương trình đào tạo ngành Quản lý nhà nước. Học phần gồm 5 chương, cung cấp cho sinh viên kiến thức tổng quan về quản trị công sở và những kỹ năng quản trị công sở như: kỹ năng thiết kế công việc; kỹ năng phân công và phối hợp công việc; kỹ năng tổ chức và điều hành hội họp; xây dựng văn hoá công sở. Những kiến thức được cung cấp trong học phần sẽ giúp sinh viên có thêm hiểu biết, có năng lực thực hành các kỹ năng khi tham gia hoạt động thực tiễn tại các cơ quan nhà nước.

2.6.89. [1130315], [Kỹ năng thu thập và xử lý thông tin], [2 tín chỉ]

- + Nâng cao nhận thức vai trò và trách nhiệm đối với ngành nghề
- + Tiếp cận và làm quen với các công việc liên quan đến chuyên ngành QLNN
- + Tham gia làm các công việc mà đơn vị thực tập phân công
- + Tìm hiểu cơ quan, đơn vị cùng với những hoạt động liên quan đến chuyên ngành
- + Biết tổ chức thực hiện công việc cá nhân và theo nhóm
- + Sinh viên làm báo cáo thực tập tốt nghiệp

2.6.95. [1130090], [Khóa luận tốt nghiệp], [5 tín chỉ]

Việc làm khóa luận tốt nghiệp nhằm giúp:

- Sinh viên vận dụng kiến thức và kỹ năng đã học để phân tích và giải quyết một vấn đề cụ thể trong lĩnh vực ngành / chuyên ngành được đào tạo.

- Sinh viên trong quá trình làm khóa luận tốt nghiệp sẽ có cách nhìn nhận, phân tích, tổng hợp và đánh giá vấn đề liên quan chuyên ngành đào tạo.

- Khóa luận tốt nghiệp là một nghiên cứu ứng dụng, thể hiện khả năng ứng dụng lý thuyết vào thực tế của sinh viên. Khóa luận tốt nghiệp còn là một minh chứng cụ thể cho năng lực của sinh viên khi phỏng vấn tuyển dụng.

2.6.96. [1130321],[Xây dựng và hoàn thiện nền hành chính nhà nước Việt Nam hiện nay], [2 tín chỉ]

Xây dựng và hoàn thiện nền hành chính nhà nước Việt Nam là học phần cung cấp cho người học những vấn đề cơ bản về nền hành chính nhà nước Việt Nam; Tìm hiểu và phân tích thực trạng của việc xây dựng nền hành chính nhà nước Việt Nam trong thời gian qua, từ đó đưa ra các phương hướng và giải pháp xây dựng và hoàn thiện nền hành chính nhà nước Việt Nam trong thời gian tới. Học phần kết cấu thành 3 chương, chương I:Những vấn đề lí luận về nền hành chính nhà nước Việt Nam, chương II: Quá trình xây dựng nền hành chính nhà nước Việt Nam, chương III: Quan điểm và giải pháp xây dựng và hoàn thiện nền hành chính nhà nước Việt Nam.

2.6.97. [1130212], [Quản lý nhà nước về giải quyết việc làm ở Việt Nam hiện nay], [2 tín chỉ]

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản, khoa học về: Quản lý nhà nước về giải quyết việc làm; Thực trạng quản lý nhà nước về giải quyết việc làm ở Việt Nam hiện nay; Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về giải quyết việc làm ở Việt Nam hiện nay.

2.6.98. [1130213], [Quản lý nhà nước về các loại hình doanh nghiệp ở Việt Nam hiện nay], [2 tín chỉ]

Học phần đi sâu vào 4 chương gồm những nội dung cơ bản sau: Khái quát các loại hình doanh nghiệp theo luật định ở Việt Nam; Nội dung quản lý nhà nước đối với các loại hình doanh nghiệp; Thực trạng quản lý nhà nước đối với các loại hình doanh nghiệp Việt Nam hiện nay; Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với các loại hình doanh nghiệp Việt Nam trong quá trình hội nhập.

2.6.99. [1130214], [Quản lý nhà nước về nguồn nhân lực chất lượng cao ở Việt Nam hiện nay], [2 tín chỉ]

Trong xu thế CNH, HĐH hình thành nền kinh tế tri thức ở mọi quốc gia trên thế giới - trong đó có Việt Nam, nguồn nhân lực chất lượng cao ngày càng khẳng định được tầm quan trọng của mình. Để nguồn nhân lực chất lượng cao phát huy được hết vai trò quyết định đối với sự phát triển nhanh và bền vững của mỗi nền kinh tế - xã hội, hoạt động quản lý nhà nước về nguồn nhân lực chất lượng cao cần được đẩy mạnh. Những kiến thức phổ quát nhất về đặc điểm, vai trò, yêu cầu đặt ra đối với nguồn nhân lực chất lượng cao trong thời kỳ CNH, HĐH; chủ trương, chế độ, chính sách của nhà nước, những gì đúc rút được từ thực tiễn quản lý nhà nước về xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao và từ kinh nghiệm của nhiều quốc gia trên thế giới để xây dựng thành công và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao ở Việt Nam được cung cấp đầy đủ trong môn học này.

2.6.100. [1130215], [Quản lý nhà nước về xây dựng nông thôn mới ở Việt Nam hiện nay], [2 tín chỉ]

Căn cứ vào mục tiêu đào tạo của học phần: Quản lý Nhà nước về xây dựng nông thôn mới ở Việt Nam hiện nay, nội dung của môn học được cấu trúc thành ba chương: Chương 1: Nông thôn mới và những vấn đề cơ bản về xây dựng nông thôn mới ở Việt Nam; Chương 2: Quan điểm, mục tiêu và nội dung xây dựng nông thôn mới; Chương 3: Quản lý nhà nước về xây dựng nông thôn mới.

Bình Định, ngày 21 tháng 8 năm 2020

TRƯỜNG KHOA



PGS.TS. Đoàn Thế Hùng

TP. ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Đỗ Ngọc Mỹ



PGS.TS. Đỗ Ngọc Mỹ